



VG PIPE®

ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC



BÁO CÁO | **2022**
THƯỜNG NIÊN

ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU



VG PIPE

ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

01

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

02

THÔNG TIN CHUNG VỀ VG PIPE

03

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

04

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

05

BÁO CÁO CỦA HĐQT

06

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

07

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022



Thông điệp CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông

Thưa Quý bạn hàng, đối tác cùng toàn thể CBCNV VGS!

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE (VGS), tôi xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Kính thưa Quý vị!

Năm 2022, có thể nói đó là một năm đầy thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và ngành thép nói riêng. Tình hình xung đột địa chính trị đã đẩy giá nguyên vật liệu tăng cao, giá xăng dầu diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới giá thành sản xuất. Mặt khác tình hình lạm phát cũng như lãi suất tăng vọt trong các tháng cuối năm đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy biến động.

Trong bối cảnh đó, VGS đã tiếp tục duy trì những nỗ lực bền bỉ để vượt qua các trở ngại từ môi trường bên ngoài, với sự sát sao chỉ đạo cùng sự nhạy bén linh hoạt trong công tác điều hành của HĐQT, Ban điều hành mà VGS đã vượt qua. Điều này thể hiện qua kết quả kinh doanh năm 2022 vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Kính thưa Quý vị,

Bước sang năm 2023, kinh tế toàn cầu dự báo chưa thể có nhiều khởi sắc. Tại Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã có những hành động quyết liệt để tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế nói chung, song các doanh nghiệp vẫn cần có thời gian

Và thêm nhiều nỗ lực để vượt qua thách thức, hồi phục tăng trưởng. Đây cũng sẽ là thách thức rất lớn của VGS. Sự khó khăn của thị trường tài chính dự đoán vẫn còn tiếp diễn cho tới hết năm nay và sẽ là một trong những trở ngại hàng đầu cho sự phát triển.

Dù khó khăn trước mắt vẫn còn đó nhưng chúng ta sẽ kiên trì phấn đấu đạt các mục tiêu tăng trưởng mà Nghị quyết đã đề ra. Nắm bắt diễn biến giá thế giới cũng như trong nước để đưa ra các quyết định nhanh, cơ cấu hàng tồn kho hợp lý và luôn ở mức an toàn nhất. Đồng thời đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp từng vùng, đẩy mạnh áp dụng công nghệ số trong quản lý; cơ cấu chính sách lương thưởng hợp lý; quy hoạch xây dựng đội ngũ lãnh đạo có đủ năng lực, phẩm chất để đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin cảm ơn Ban Điều hành cùng tất cả CBCNV VGS đã nỗ lực phấn đấu làm việc, khắc phục mọi khó khăn để đạt kế quả sản xuất kinh doanh năm 2022. Xin gửi lời cảm ơn các Quý khách hàng, đối tác, quý cổ đông và tất cả các bên liên quan vì sự hợp tác vững chắc trong năm qua. Sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị là vô cùng cần thiết để VGS có được những thành công như ngày hôm nay và sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

Một lần nữa, xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

**TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch**



LÊ MINH HẢI



KCN Bình Xuyên
huyện Bình Xuyên
Tỉnh Vĩnh Phúc

TRỤ SỞ CHÍNH

(+84) 211.3 887 863



(+84) 211.3 888 562



vgpipe.com.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch : CTCP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh : Vietnam Germany Steel Pipe JSC
Tên viết tắt : VG PIPE
Số ĐKKD : 2500267703
Cấp ngày : 31/01/2007
Đơn vị cấp : Sở KH và ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ : 484.279.210.000 đồng.
Trụ sở chính : KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211. 3887 863
Fax : 0211. 3888562
Website : vgpipe.com.vn
Tài khoản : 4261 00000 55252
Tại NH : BIDV – CN Phúc Yên
Mã số thuế : 2500267703
Biểu tượng Công ty:



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã cổ phiếu : VGS
Sàn niêm yết : HNX
Ngày niêm yết : Tháng 12/2008
Số cổ phần : 48.427.921 cổ phần

THÔNG TIN TRỤ SỞ CHÍNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Trụ sở chính

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà SIMCO, 28 Phạm Hùng, Nam
Từ Liêm, Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: QL 1 A, Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam

Địa chỉ: Bến Lức, Long An

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Đúc sắt, thép;

Sản xuất các sản phẩm từ thép;

Xây dựng nhà để ở; nhà không để ở

Xây dựng công trình đường sắt; công trình đường bộ; Xây dựng công trình điện; công trình cấp, thoát nước;

Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; công trình thủy; công trình khai khoáng; chế biến, chế tạo;

Hoàn thiện công trình xây dựng;

Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;

Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;

Dịch vụ đặt chỗ và các DV hỗ trợ liên quan đến quảng bá, tổ chức tua du lịch;

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.



HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Sản xuất Ống thép hàn đen

Sản xuất Ống thép Tôn mạ

Sản xuất Ống thép mạ kẽm nhúng nóng

Sản xuất Tôn mạ kẽm

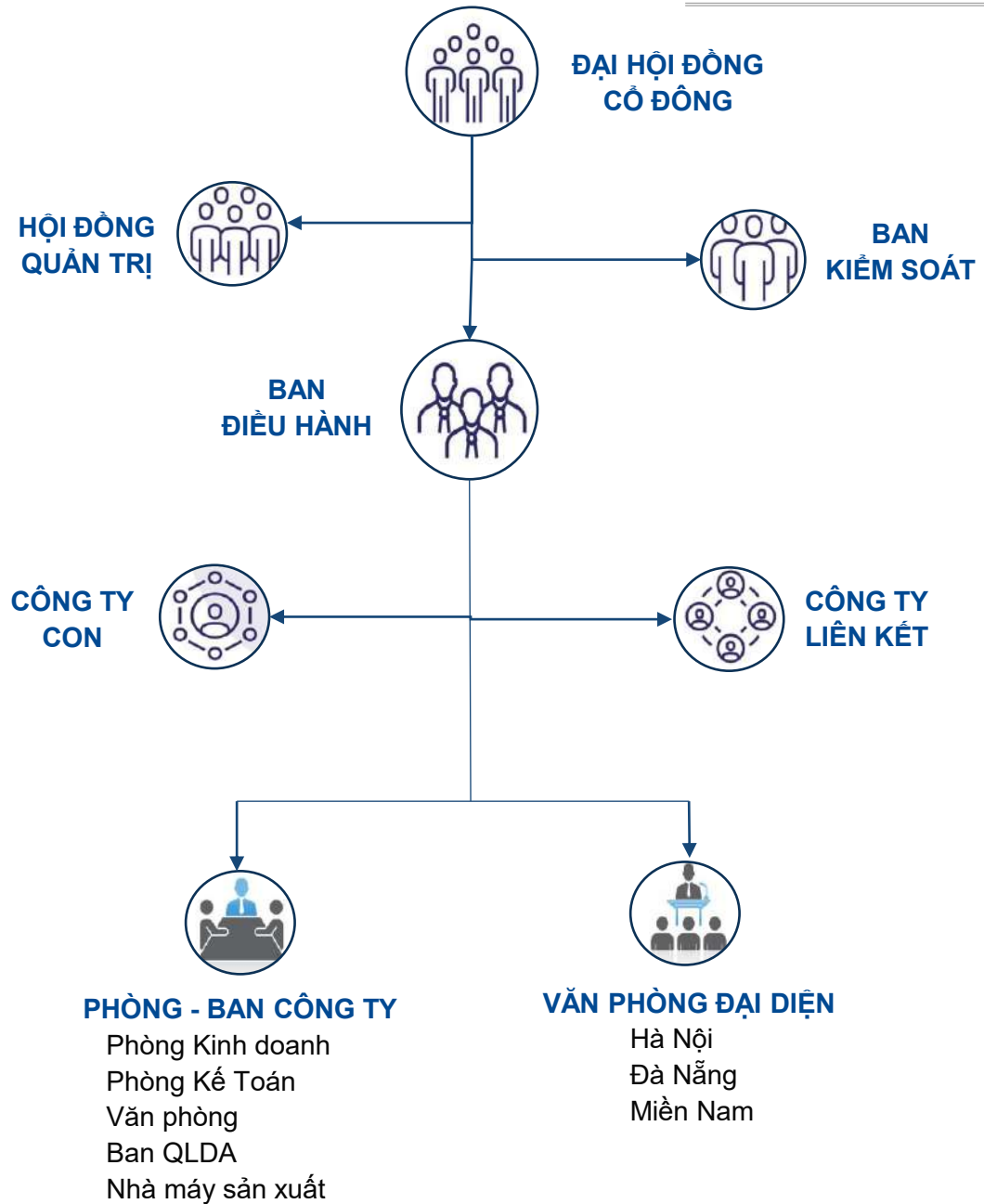
Sản xuất thép thanh cán nóng

Sản xuất thép cuộn cán nóng

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Hiện nay VG PIPE có 03 dự án cụ thể:

- ❖ Tòa nhà Tài chính VIETDUC FINANCIAL BUILDING tại Vĩnh Yên là Tòa nhà cho thuê văn phòng và căn hộ.
- ❖ Tòa nhà Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh.
- ❖ Dự án Khu đô thị Việt Đức Legen City với quy mô 62ha



HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ 12-2002

Nhà máy Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

➤ 01-2007

Ngày 29/01/2007 chuyển đổi sang Công ty cổ phần, phát hành tăng vốn và trở thành Công ty đại chúng.

➤ 11-2008

Ngày 20/11/08 cổ phiếu VGS niêm yết tại HNX.. Tăng vốn 70 tỷ lên 125,997 tỷ đồng.



➤ 12-2009

Phát hành tăng vốn lên 375,997 tỷ đồng.

Thành lập Cty liên kết, sản xuất thép Xây dựng.

Niêm yết bổ sung 25 triệu CP trên HNX. Tổng cổ phiếu VGS đang lưu hành 37.599.710CP

➤ 08-2010

Công ty đã triển khai xây dựng Toà nhà Vietduc Financial building tại Vĩnh Yên, được chia thành 2 khối văn phòng và căn hộ với thiết kế độc đáo và sang trọng, tạo nên sự đẳng cấp của Tòa nhà

➤ 03-2013

Công ty triển khai mở rộng dự án sản xuất Tôn mạ kẽm và đầu tư mới thêm 5 dây chuyền Ống.

VPĐD Đà Nẵng được thành lập với quy mô 5.000m2 gồm nhà văn phòng - Hệ thống kho bãi

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ 11-2016

Nhà máy sản xuất Thép chế tạo thuộc Công ty liên kết đi vào hoạt động và đánh dấu năng lực sản xuất của tập đoàn lên 1.300.000 tấn/năm.

➤ 03-2017

Xây dựng Trung tâm TM và văn phòng cho thuê đối với khu đất tại thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội. Tổng diện tích thi công 12.800m².

➤ 07-2018

Mở rộng Dự án Thép chế tạo, quy mô 3,2ha để làm nhà phụ trợ và điều hành. Tăng vốn điều lệ lên 421.115.890.000 đồng từ việc chia cổ tức 2007.



➤ 2018-2022

Tập trung triển khai công tác GPMB và hoàn thiện các Thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án VietDuc Legend City

➤ 05-2021

Thép Việt Đức thật vô cùng tự hào đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới của Đảng và Nhà nước trao tặng.

➤ 10-2022

Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City đã được UBND Tỉnh Vĩnh Phúc giao đất để thực hiện dự án với diện tích trên 20ha.

➤ 2022

Thép xây dựng của VGS đã nằm trong TOP 5 đơn vị sản xuất và bán hàng thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam

Thép Ống của VGS nằm trong TOP 6 đơn vị sản xuất và bán hàng Ống thép lớn nhất tại Việt Nam

Thông tin CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT



Thông tin Công ty con CTCP THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên,
Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

Vốn điều: 80 tỷ đồng

Số cổ phần: 8 triệu cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đ/CP

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có
quyền biểu quyết: 99,92%

Ngành nghề sản xuất kinh
doanh chính: Sản xuất Tôn
mạ kẽm và Tôn cán nguội.



Thông tin Công ty Liên kết

CTCP SẢN XUẤT THÉP VIỆT ĐỨC

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên,
huyện Bình Xuyên, tỉnh
Vĩnh Phúc

Vốn điều lệ:

304.000.000.000 đồng

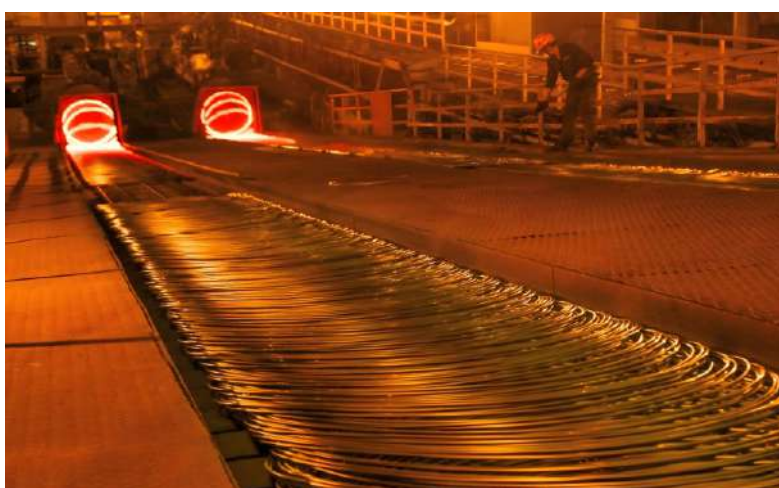
Số Cổ phần:

30.406.500 Cổ phần

Mệnh giá: 10.000 đ/cp

Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có
quyền biểu quyết: 28,6%

Ngành nghề sản xuất kinh
doanh chính: Sản xuất
thép chất lượng cao và
Chế tạo





Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập năm 2002 trên diện tích 30ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội mã giao dịch VGS.

DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ

01

Thép Việt Đức là đơn vị chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm; Ống Tôn mạ; Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm với công suất 600.000tấn/năm.

Ngoài ra Công ty chúng tôi còn liên doanh liên kết sản xuất thép xây dựng có đường kính từ D6 đến D51 công suất 700.000tấn/năm.

Thép Việt Đức đang vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất ống thép và tôn mạ kẽm theo công nghệ của các nước tiên tiến nhất hiện nay.

Sản phẩm ống thép được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387:1985, ASTM A53, có đường kính ngoài từ 1/2 inch đến 8 inch, độ dày từ 1,9mm đến 8.18mm,

Ống thép vuông, chữ nhật theo tiêu chuẩn ASTM A500

VỊ THẾ - THỊ PHẦN

02

Ống Thép Việt Đức là doanh nghiệp lớn hàng đầu tại Việt Nam. VGS chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm nhúng nóng; Ống Tôn mạ kẽm và Tôn cuộn mạ kẽm.

VGS nằm trong TOP 6 nhà máy sản xuất và tiêu thụ Ống thép và TOP 5 nhà sản xuất Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam. Sản phẩm Ống thép Việt Đức được trải dài mọi miền tổ quốc.

Thép Việt Đức có kho hàng tại Miền Bắc; Miền Trung, Miền Nam.

Thị phần VGS chiếm 5,53% Ống thép, 4,6% đối với thép xây dựng.

CÁC DỰ ÁN ĐÃ CẤP

03

Sự đầu tư chuyên nghiệp và bài bản cùng với việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào HỖSXKD nên Thép Việt Đức luôn trên đà phát triển, giữ vững, mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm thép, phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Sản phẩm Thép Việt Đức được nhiều dự án lớn do chủ đầu tư trong, ngoài nước sử dụng và đánh cao như Dự án: nhà ga T2 Nội Bài; Sam Sung Thái Nguyên; Formosa Hà Tĩnh: Time City; Royal City; các dự án tập đoàn Vincom; Sân bay Đà Nẵng; Vành đai 3; Cầu Nhật Tân; Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Lào Cai.và rất nhiều dự án lớn khác.



Royal City



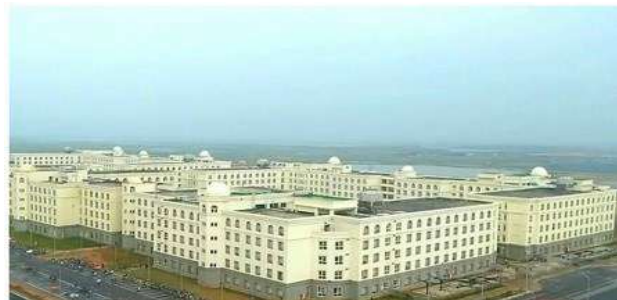
Time City



Cao tốc Hà Nội – Hải Phòng



Cao tốc Hà Nội – Lào Cai



Formosa Hà Tĩnh



Sam Sung Thái Nguyên



Cầu Nhật Tân



Cầu Đông Trù



Golmak City



Vinhome Tân Cảng



Và nhiều dự án trọng điểm khác

TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC



Tạo dựng một tập đoàn sản xuất Thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu THÉP VIỆT ĐỨC - ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU



Duy trì vị thế thương hiệu mạnh dẫn đầu trong cạnh tranh



Đẩy mạnh thị trường trong nước và vươn tới thị trường nước ngoài



Phát triển bền vững dựa trên lợi thế về công nghệ trong sản xuất công nghiệp



Tăng cường đầu tư phát triển hoàn thiện chu trình sản xuất khép kín

Tổng quan CÔNG TY ỔNG THÉP VIỆT ĐỨC

SỨ MỆNH

Mang lại cho mỗi thành viên trong **THÉP VIỆT ĐỨC** một cuộc sống đầy đủ về vật chất, phong phú về tinh thần.

Mang lại cho đối tác và khách hàng sự thành công.

Đóng góp thật nhiều cho cộng đồng, xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

“**Đoàn kết và Hợp tác**” tạo nên sức mạnh Công ty.

“**Tận tâm và Uy tín**” đối với mọi khách hàng và đối tác.

“**Nâng cao Chất lượng**” trong từng sản phẩm, dịch vụ và lĩnh vực hoạt động.

“**Lợi nhuận và hiệu quả**” là giá trị căn bản của hoạt động sản xuất kinh doanh

“**Chuyên nghiệp và tiêu chuẩn hoá**” là giá trị cốt lõi của văn hoá doanh nghiệp.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Luôn giữ chữ tín trong kinh doanh.

Đảm bảo nguyên tắc 3 nhất: (1) chất lượng tốt nhất; (2) giá bán hợp lý nhất; (3) dịch vụ hoàn hảo nhất.

Cam kết gắn bó lâu dài và đồng hành cùng khách hàng, đối tác.

Đảm bảo lợi ích chung



Đánh giá các Rủi ro TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG



Với đặc thù của doanh nghiệp sản xuất thép và hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty không thể tránh khỏi những rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

Để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro này, VGS đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro trọng yếu, đặc biệt trong phòng ngừa rủi ro về Kinh tế vĩ mô; biến động giá Nguyên liệu; chính sách pháp lý; nhân sự; tỷ giá, lãi vay.

RỦI RO VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Những yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của VGS.

Các bộ phận chuyên môn giám sát môi trường kinh tế vĩ mô và tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc, dự báo xu hướng kinh tế vĩ mô trong tương lai và những tác động đến lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG VỀ GIÁ NGUYÊN NHUYÊN LIỆU

Sản xuất và kinh doanh mặt hàng thép là chủ lực của hoạt động kinh doanh của VGS. Để sản xuất ra thép, chi phí nguyên nhiên liệu chiếm 70-75% trong giá thành sản xuất.

Vì vậy chỉ cần 1% biến động giá các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất sẽ tác động rất lớn tới giá thành thành phẩm. biến động mạnh và hiện vẫn ở mức cao.

Biện pháp

Công ty luôn theo dõi sát thông tin vĩ mô từ các thị trường có sức ảnh hưởng lớn tới diễn biến giá thép hàng ngày, luôn cập nhật tin tức đa chiều để kịp thời ứng phó;

Xây dựng các kịch bản tín dụng cho phòng ngừa rủi ro giá hàng hóa;

Quản trị tốt hơn kho nguyên nhiên liệu về mặt lượng, kịp thời thích ứng với biến động giá.

Đánh giá các Rủi ro TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro tài chính của VGS bao gồm rủi ro về thanh khoản, lãi suất và ngoại tệ. Định kỳ mỗi quý, Ban điều hành cùng Phòng Kế toán đánh giá tình hình thị trường vốn và tài chính để chủ động điều chỉnh tổng nợ vay và nghĩa vụ phải trả hợp lý. Để giảm rủi ro về thanh khoản, VGS luôn chủ động quản lý dòng tiền và giám sát chặt chẽ các nghĩa vụ phải trả.

RỦI RO VỀ THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

Rủi ro thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của VGS. Đối với rủi ro này, VGS theo dõi sâu sát diễn biến, đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

VGS đặc biệt quan tâm đến tác động về môi trường trong mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước) có thể làm thay đổi tài nguyên, môi trường sinh thái ở những vùng phụ.

Vì vậy, VGS luôn luôn tìm hiểu và đưa vào áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến nhất về hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn; Hệ thống nung nhiệt; Hệ thống xử lý chất thải. Đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, xanh – sạch – đẹp. Dành nhiều diện tích cho cây xanh. Hàng năm thuê các đơn vị về đánh giá tác động môi trường

RỦI RO VỀ CẠNH TRANH

Các ngành kinh doanh của VGS thường có mức độ cạnh tranh cao, điển hình là Sản xuất Công nghiệp, Văn phòng cho thuê.

Trong mỗi lĩnh vực, đối thủ cạnh tranh của VGS là những đối thủ trong nước kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương tự.

Để tăng tính cạnh tranh, VGS không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cải tiến máy móc thiết bị để đưa ra thị trường sản phẩm chất lượng tốt nhất. Luôn lấy chữ Tín trong kinh doanh lên hàng đầu. Đồng thời tiết giảm chi phí trong công đoạn sản xuất để giảm giá thành và đưa ra giá bán hợp lý nhất.

RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

Để thu hút nhân sự cấp cao, có chất lượng và tạo động lực cho người lao động, VGS có chính sách đãi ngộ cạnh tranh và minh bạch, dựa vào kết quả lao động. VGS xây dựng thành công môi trường văn hóa đặc trưng của mình thông qua các hoạt động văn hóa, tập thể, tạo VGS thành Ngôi nhà chung của mỗi CBNV, đem sự gắn bó lâu dài với Công ty. Để bảo đảm nguồn nhân sự chất lượng và ổn định VGS thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cho cấp Quản lý và đào tạo CBLĐ kế cận, đặc biệt là lãnh đạo trẻ tài năng làm nòng cốt trong tương lai





Báo cáo **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH & KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

CƠ CẤU NGUỒN VỐN

HIỆU QUẢ KINH DOANH

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH & KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông NGUYỄN HỮU THỂ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Bách Khoa

Cử nhân Kinh tế ĐH Kinh tế Quốc Dân

Năm vào Công ty: 2003

Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 23/3/2023

3,07%



Bà NGUYỄN THỊ NHI

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán Đại học Thương mại

Năm vào Công ty: 2002

Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 23/3/2023

5,60%



Bà NGUYỄN THỊ THÚY

Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán Đại học Tài chính

Năm vào Công ty: 2004

Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 23/3/2023

0%

ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH KINH TẾ NĂM 2022



Đánh giá chung tình hình Kinh tế Thế Giới năm 2022

Năm 2022 là một năm đầy sóng gió với kinh tế thế giới do phần nhiều từ sự ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 trong 03 năm qua để lại.

Thế giới đã phải đối mặt với các khó khăn như: Khủng hoảng năng lượng toàn cầu; Lạm phát toàn cầu tăng phi mã; Các nước đồng loạt thắt chặt chính sách tiền tệ; Kinh tế toàn cầu đối mặt rủi ro suy thoái; OPEC+ cắt giảm sản lượng mạnh nhất kể từ năm 2020; Tỷ giá Euro ngang giá USD lần đầu tiên sau 20 năm; Năm "thảm họa" của thị trường tiền số và Giá vàng chạm mức cao nhất mọi thời đại..... Kinh tế toàn cầu giảm sút từ mức tăng trưởng năm 2021 từ 5,5% xuống còn 3,2% năm 2022

Đánh giá chung tình hình Về Kinh tế Việt Nam năm 2022

Việt Nam là số ít các quốc gia có điểm sáng về kinh tế trong năm 2022. Việt nam đã có sự phục hồi mạnh mẽ, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện góp phần tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo được

sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Một số ngành đã có mức tăng trưởng cao hơn năm trước khi có dịch Covid-19. Nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều con số đáng chú ý như:

GDP đạt 409 tỷ USD: Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê GDP của Việt Nam đạt 409 tỷ USD. Ước tính GDP năm nay tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022

FDI thực hiện cao nhất 5 năm: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam năm 2022 ước đạt gần 22,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với năm trước. Đây là số vốn nhất trong 5 năm qua.

CPI đạt mục tiêu: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân quý IV/2022 tăng 4,41% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 732,5 tỷ USD cùng mức xuất siêu 11,2 tỷ USD (năm trước 3,32 tỷ USD) rất ấn tượng.



Báo cáo **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

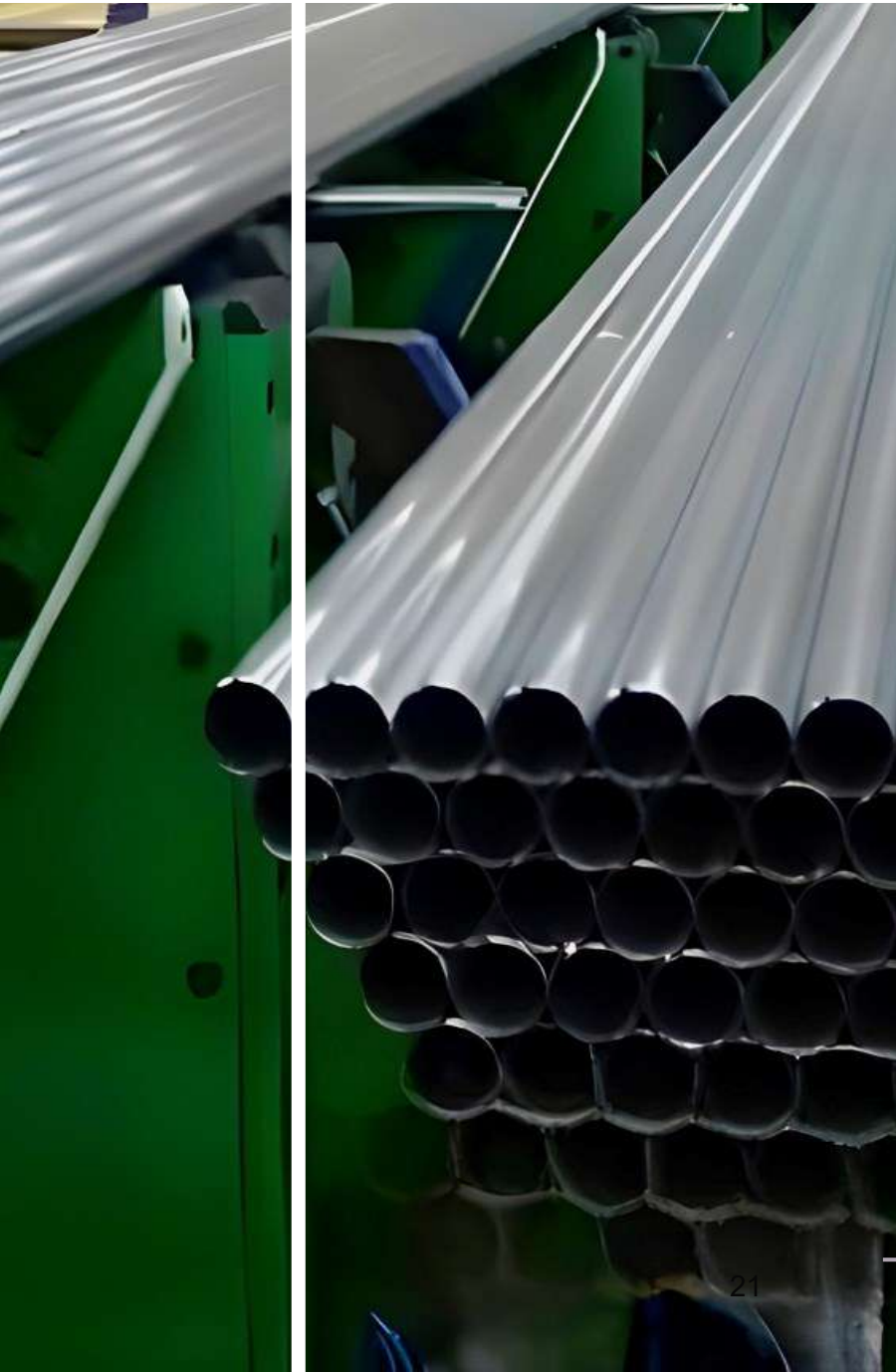
Đánh giá Ngành thép Việt Nam năm 2022

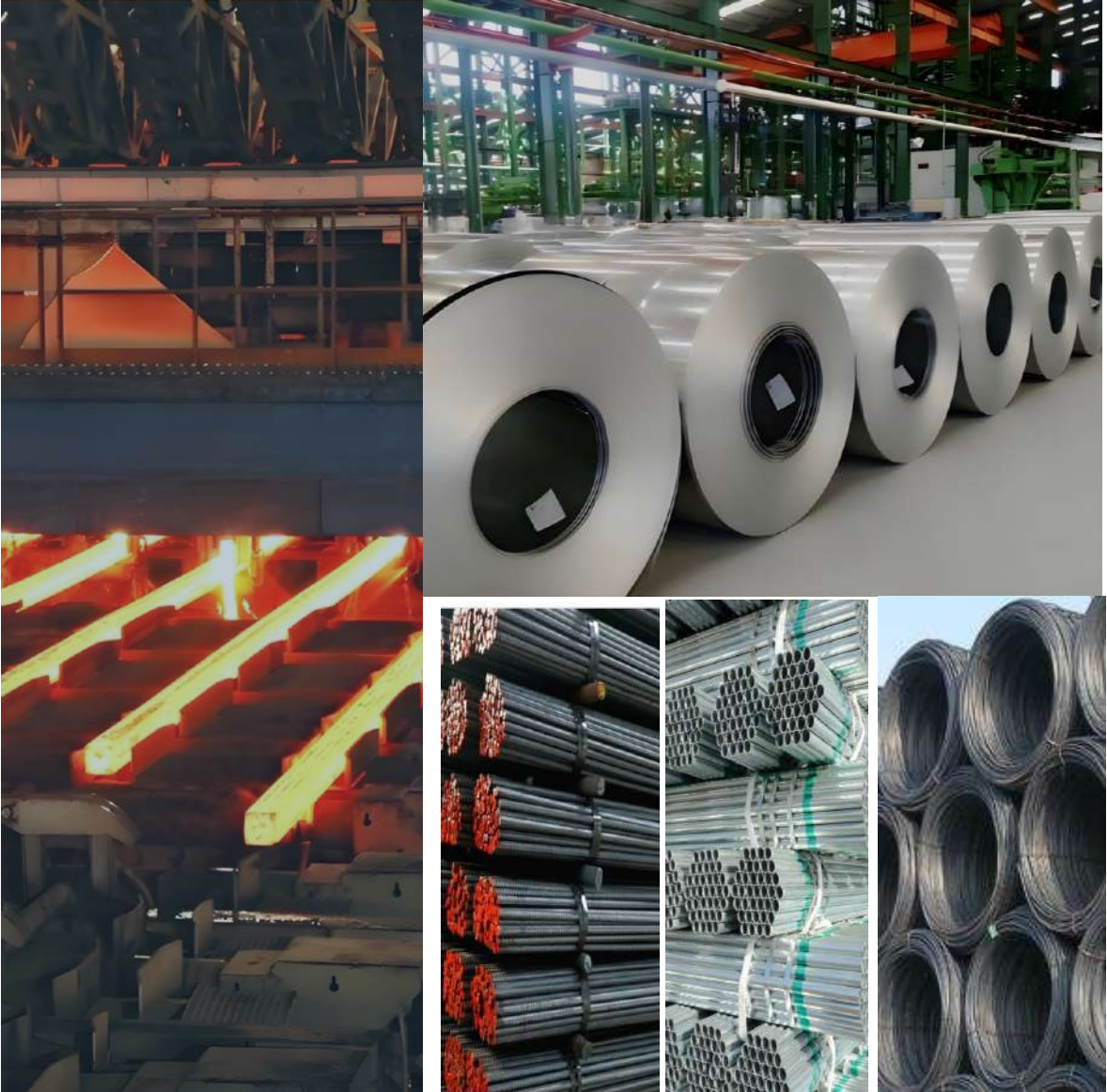
Năm 2022, kinh tế toàn cầu tiếp tục khó khăn khi lạm phát tăng cao, các ngành công nghiệp sử dụng thép ghi nhận tăng trưởng chậm lại.

Giá nguyên liệu sản xuất thép tăng cao, dẫn đến chi phí sản xuất tăng cùng với nhu cầu thép sụt giảm đã kéo theo lượng sản xuất thép thô cũng như lượng thép thành phẩm các loại liên tục giảm so với cùng kỳ năm 2021 kể từ đầu quý II/2022 cho đến nay.

Một số tập đoàn thép lớn trên thế giới có kế hoạch đóng cửa lò cao (như AcelorMetal). Tại Việt Nam, một vài nhà máy thép lớn đã dừng hoạt động của một số lò cao như Hoà Phát, Formosa, Tisco,.. hoặc giãn kế hoạch sản xuất như Thép Miền Nam, maruichi Sunscosco...

Tại Việt Nam, năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước ghi nhận điểm sáng với mức tăng trưởng khá cao hơn 8%, nhưng đối với ngành thép lại là một năm đầy khó khăn.





Tình hình sản xuất và bán hàng thép năm 2022, sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 29,3 triệu tấn, giảm 12% và bán hàng thép các loại đạt 27,3 triệu tấn, giảm 7,2% so với năm 2021, trong đó xuất khẩu thép thành phẩm các loại của các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội giảm hơn 20% so với năm 2021.

Đối với thép cuộn cán nóng: cả năm 2022, sản xuất thép cuộn cán nóng đạt 6,04 triệu tấn, giảm 15,4% so với cùng kỳ năm 2021. Bán hàng đạt 6,19 triệu tấn, giảm 13,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó xuất khẩu đạt 1,3 triệu tấn, tăng nhẹ 0,9% so với cùng kỳ 2021

Đối với thép xây dựng: Cả năm 2022 sản xuất đạt 12,132 triệu tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ 2021. Bán hàng đạt 12,274 triệu tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu đạt 2,161 triệu tấn, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2021

Đối với sản phẩm ống thép: Cả năm 2022, sản xuất đạt hơn 2,605 triệu tấn, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Bán hàng đạt 2,626 triệu tấn, giảm 3,8% so với cùng kỳ 2021, trong đó lượng xuất khẩu đạt 258.873 tấn, tăng 9,1% so với cùng kỳ 2021

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022



Trong năm 2022, mặc dù phải trải qua những giai đoạn bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thị trường ngành thép nói riêng, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động SXKD, nhằm củng cố nền tảng ổn định, vượt qua các khó khăn, thử thách. Kết thúc năm 2022, với sự nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh thắng lợi, chỉ tiêu lợi nhuận tăng trưởng cao so với kế hoạch đề ra, cụ thể

Kết quả thực hiện năm 2022 so với kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% hoàn thành
1	CÔNG TY MẸ				
1.1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.500	4.956	110,1
1.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	65	53	81,5
1.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	52	43	82,7
2	HỢP NHẤT				
2.1	Doanh thu	Tỷ đồng	7.000	8.490	121,3
2.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	125	117	93,6
2.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	106	100	94,3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Công ty mẹ

Doanh thu đạt 4.956 tỷ đồng tăng 10,1% so với kế hoạch và tăng 24,2% so năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế đạt 53 tỷ đồng giảm 18,5% so kế hoạch và giảm 27,5% so năm 2021

Lợi nhuận sau thuế đạt 43 tỷ đồng giảm 17,3% so kế hoạch và giảm 27,3% so năm 2021



Lĩnh vực sản xuất kinh doanh Ống thép, thép xây dựng.

Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn thách thức đối với Kinh tế Việt nam nói chung và đặc biệt Ngành thép nói riêng, VGS đã đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh thép rất đáng khích lệ và có thể nói đó là kết quả tốt nhất trong bối cảnh này

Hàng hóa chủng loại đa dạng đầy đủ, chất lượng ngày càng được chú trọng nâng cao và khả năng đáp ứng tốt cho thị trường và các sản phẩm thép của VGS vẫn được các nhà thầu ưu tiên lựa chọn khi chọn thầu.

Về thị phần thép VGS vẫn giữ vững thị phần đối với Ống thép và thép xây dựng đã vươn lên từ TOP 7 lên TOP5 nhà sản xuất và tiêu thụ thép lớn nhất tại Việt Nam



Hợp nhất Công ty

Doanh thu đạt 8.490 tỷ đồng tăng 21,3% so với kế hoạch và tăng 26,8% so năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế đạt 117 tỷ đồng giảm 6.4% so kế hoạch và giảm 23,5% so năm 2021

Lợi nhuận sau thuế đạt 100 tỷ đồng giảm 5,7% so kế hoạch và giảm 22,4% so năm 2021

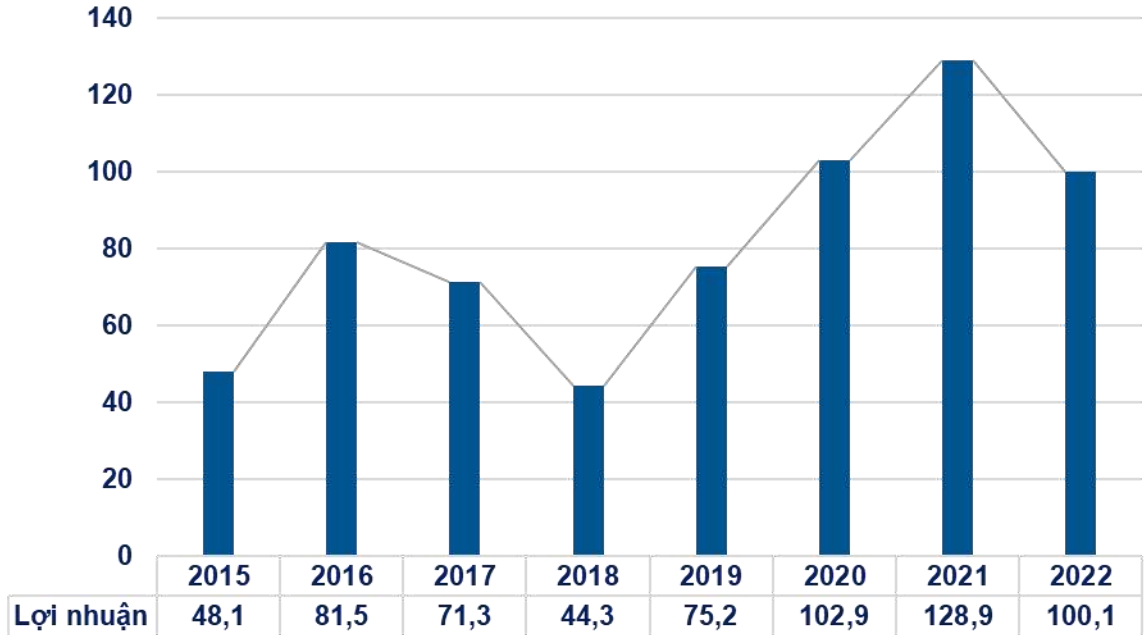


Dây chuyền sản xuất ống thép hàn đen

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

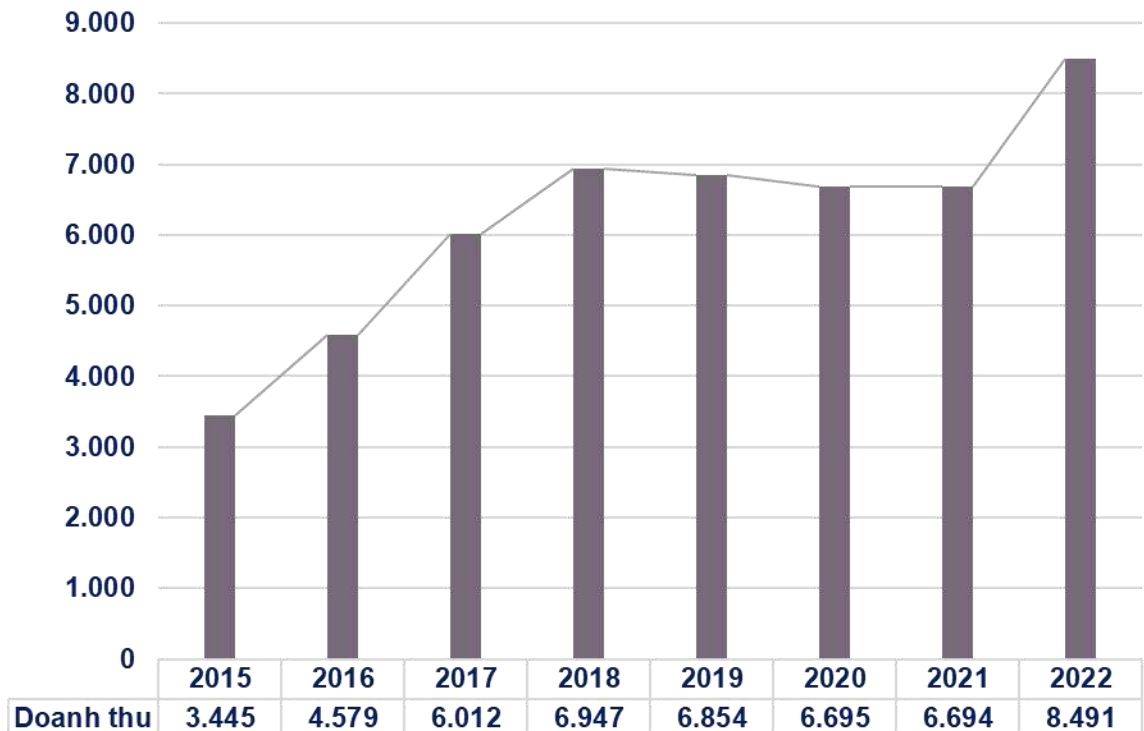
BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA VGS TỪ 2015-2022

ĐVT: Tỷ đồng



BIỂU ĐỒ DOANH THU CỦA VGS TỪ 2015-2022

ĐVT: Tỷ đồng



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đánh giá chung tình hình Tài chính

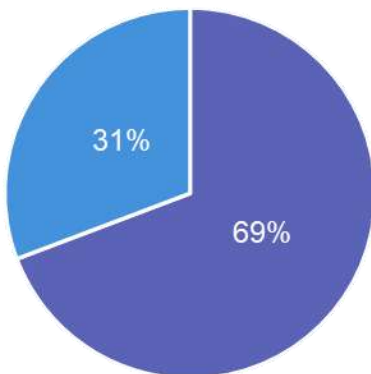
Công ty thực hiện tốt công tác điều hành tài chính, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn, đáp ứng kịp thời dòng tiền để phục vụ công tác kinh doanh, công tác đầu tư và mọi mặt hoạt động trong năm 2022. Công ty đã chỉ đạo rất quyết liệt trong công tác đôn đốc thu hồi công nợ khách hàng, thực hiện tốt công tác thu hồi công nợ không phát sinh công nợ khó đòi, đảm bảo an toàn tài chính



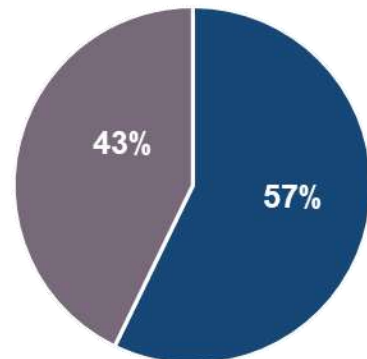
CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
TÀI SẢN			
Tài sản Ngắn hạn	Tỷ đồng	1.499,1	1.486,2
Tài sản Dài hạn	Tỷ đồng	665,8	594,1
Cộng Tài Sản		2.164,9	2.080,3
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.238,3	1.247,2
Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	926,6	833,1
Cộng Nguồn Vốn		2.164,9	2.080,3

Tỷ lệ cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn



■ TS Ngắn hạn ■ TS Dài hạn



■ Nợ phải trả ■ Vốn CSH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

TT	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,6	0,57
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,50	1,33
3	Hệ số Nợ ngân hàng/Vốn chủ sở hữu	0,61	0,7

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

TT	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2022
1	Hệ số thanh toán nhanh	0,77	0,86
2	Hệ số thanh toán hiện hành	1,22	1,31

ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Nhìn chung Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, vốn chủ sở hữu đều đạt chuẩn cao

Tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức tín dụng để duy trì hạn mức tín dụng nhằm đảm bảo tốt nhất nhu cầu sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tận dụng tối đa hạn mức tín dụng của các tổ chức cho vay với lãi suất thấp và hạn chế sử dụng tín dụng với các tổ chức cho vay với lãi suất cao

Sử dụng linh hoạt, tối ưu dòng tiền trong sản xuất tránh thất thoát, lãng phí

Căn cứ vào thực tiễn sản xuất kinh doanh, Ban Lãnh đạo Công ty tìm mọi cách sử dụng và khai thác tối đa hiệu quả nguồn vốn, đảm bảo cân đối và dự trữ tài chính cho các chu kỳ biến động giá. Kịp thời giải quyết lượng hàng tồn kho, giải tỏa vốn ứ đọng, đẩy nhanh vòng quay vốn lưu động.

Việc thu hồi công nợ của Công ty trong năm khá tốt, vòng quay phải thu tương đối nhanh, toàn bộ các khoản nợ đều nằm trong hạn, cuối năm không có khoản nợ nào khó đòi, phải trích lập dự phòng

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC CHO THUÊ VĂN PHÒNG

Đối với mảng Cho thuê Văn phòng và Căn hộ: Nhìn chung trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, công tác cho thuê văn phòng và căn hộ cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng. Tuy nhiên, năm 2022 đối với Tòa nhà tài chính Việt Đức vẫn giữ được diện tích cho thuê văn phòng đạt 100% và căn hộ 80% trong khi khách hàng ra vào liên tục thay đổi. Đối với Trung tâm thương mại và Văn phòng cho thuê năm 2022 tập trung sửa chữa, nâng cấp lại và đến nay đã tìm được đối tác cho thuê với diện tích lấp đầy đạt 80%



ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ DỰ ÁN KĐT VIETDUC LEGEND CITY



Dưới sự điều hành của HĐQT, Ban Lãnh đạo Công ty cùng Ban Quản lý dự án đã tập trung thực hiện một số việc liên quan đến Dự án Việt Đức Legend City cụ thể:

Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định giao đất đợt 1 của giai đoạn 1 tại Quyết định giao đất số 1829/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2020 và Quyết định giao đất đợt 2 của giai đoạn 1 tại Quyết định giao đất số 2954/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Nộp một phần tiền sử dụng đất; các khoản thuế và phí theo quy định cho phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất đợt 1 giai đoạn 1

Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

Hoàn thiện hồ sơ vay vốn trung dài hạn của Ngân hàng BIDV - Phúc Yên để bổ sung vốn cho Dự án.

Nộp hồ sơ điều chỉnh Dự án KĐT Việt Đức Legend City. Nội dung điều chỉnh gồm: Quy mô; Vốn thực hiện và Tiến độ dự án.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Xác định “CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG”, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, VG PIPE đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản.

Đây chính là động lực giúp VG PIPE vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước. VG PIPE chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình

TỔ CHỨC NHÂN SỰ**Chế độ làm việc**

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 6 ngày/tuần. CBNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.

Điều kiện làm việc

Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, VGS đã bố trí văn phòng làm việc cho CBNV rộng rãi, khang trang. CBNV được cấp phát trang thiết bị làm việc hiện đại, được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Đối với CBNV trực thuộc Khối Vận hành – Dịch vụ – Sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

Nội quy lao động

VGS và các Công ty thành viên đều rất chú trọng xây dựng Nội quy lao động theo đúng quy định của Pháp luật.

Lương và bảo hiểm, phúc lợi

VGS luôn duy trì mức lương cho CBNV cạnh tranh so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường, đồng thời tiếp tục chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống lương, thưởng dựa trên năng lực, kết quả công việc và mức độ đóng góp của từng CBNV đối với Công ty. VGS có chính sách lương, thưởng, đãi ngộ đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân CBNV, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc, đóng góp và phát triển tại Công ty. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, VGS đã kết hợp với các Công ty Bảo hiểm để mua bảo hiểm 24/24 cho tất cả CBCNV. Công ty thường xuyên rà soát, điều chỉnh các chính sách phúc lợi, tạo thêm đãi ngộ thiết thực cho toàn thể CBNV.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Các chính sách phúc lợi của VGS

Tặng quà vào những sự kiện quan trọng của mỗi cá nhân như sinh nhật, kết hôn, sinh con, thăm hỏi, tặng quà khi ốm đau, vào các dịp lễ Tổ chức các hoạt động lễ hội, sinh hoạt tập thể, CBNV cùng gia đình đi tham quan, nghỉ mát

Khen thưởng cho con em CBNV đạt thành tích cao trong học tập.

Xây dựng khu thể thao đa năng với cảnh quan đẹp mắt, đầy đủ cơ sở vật chất, nơi mọi CBNV có thể thường xuyên tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe



Khen thưởng

VGS đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng tại tất cả các cơ sở, theo đó mọi CBNV có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Bộ phận đều phải được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.

Kết nối trong hoạt động đoàn thể

Công ty đặc biệt quan tâm đến hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi và đời sống tinh thần của toàn thể CBNV. Các hoạt động của Chi bộ Đảng và Công đoàn được duy trì nhằm tạo môi trường gắn kết, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, tăng cường đoàn kết tập thể, xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.



Kế hoạch
**KINH DOANH
NĂM 2023**

Ngành thép đã trải qua năm 2022 khó khăn dồn dập ở cả thị trường xuất khẩu và nội địa. Dự báo ngành thép vẫn phải đối mặt với các khó khăn thách thức trong bối cảnh bị ảnh hưởng tiêu cực của các xung đột địa chính trị, suy thoái kinh tế sau COVID và lạm phát rất khó có thể hạ nhiệt nhanh trong năm 2023.

Các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước vẫn sẽ đối diện với loạt khó khăn khi nhu cầu xây dựng giảm, giá nguyên liệu đầu vào sản xuất tăng. Tuy nhiên, với kỳ vọng tại thị trường Trung Quốc khi các chính sách hỗ trợ phục hồi thị trường bất động sản của nước này sẽ góp phần ổn định thị trường và tạo nên môi trường xuất khẩu hấp dẫn. Cùng với đó, với mục tiêu giải ngân đầu tư công trong nước dự kiến tăng 20-25% so với 2022 sẽ là động lực phục hồi ngành thép vào nửa sau của năm nay.

Căn cứ các dự báo ngành thép trong năm 2023, Công ty đặt kế hoạch kinh doanh năm như sau:

Công ty mẹ:

Doanh thu: **4.000** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: **50** tỷ đồng

Hợp nhất:

Doanh thu: **7.000** tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: **90** tỷ đồng

CÁC MỤC TIÊU THỰC HIỆN 2023

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy hoạt động từ Công ty mẹ đến các Công ty con, Nhà máy, các Văn phòng đại diện trên cơ sở phát huy hiệu quả quản trị, điều hành, kiểm soát trong toàn hệ thống.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Công ty, song song với việc sắp xếp, phân bổ lại cơ cấu hàng, hệ thống khách hàng phân phối từng VPĐD.

Thực hiện chiến lược marketing, quảng bá thương hiệu một cách hợp lý, đa dạng, sáng tạo, gắn liền với những sự kiện mang tính cộng đồng, các hoạt động tài trợ, từ thiện nhằm củng cố và phát huy hình ảnh thương hiệu Thép Việt Đức mạnh và thân thiện.

Củng cố hiệu quả quản trị, kiểm soát trên cơ sở thiết lập và áp dụng các định mức, chỉ tiêu, chính sách, cơ chế lương thưởng hợp lý, linh hoạt.

Củng cố, khai thác một cách có hiệu quả đối trong hoạt động sản xuất kinh doanh, trên tinh thần đảm bảo sự tối ưu, tinh gọn và minh bạch trong các hoạt động SXKD. Nghiên cứu, mô hình quản lý bằng hệ thống công nghệ thông tin ứng dụng trong sản xuất.

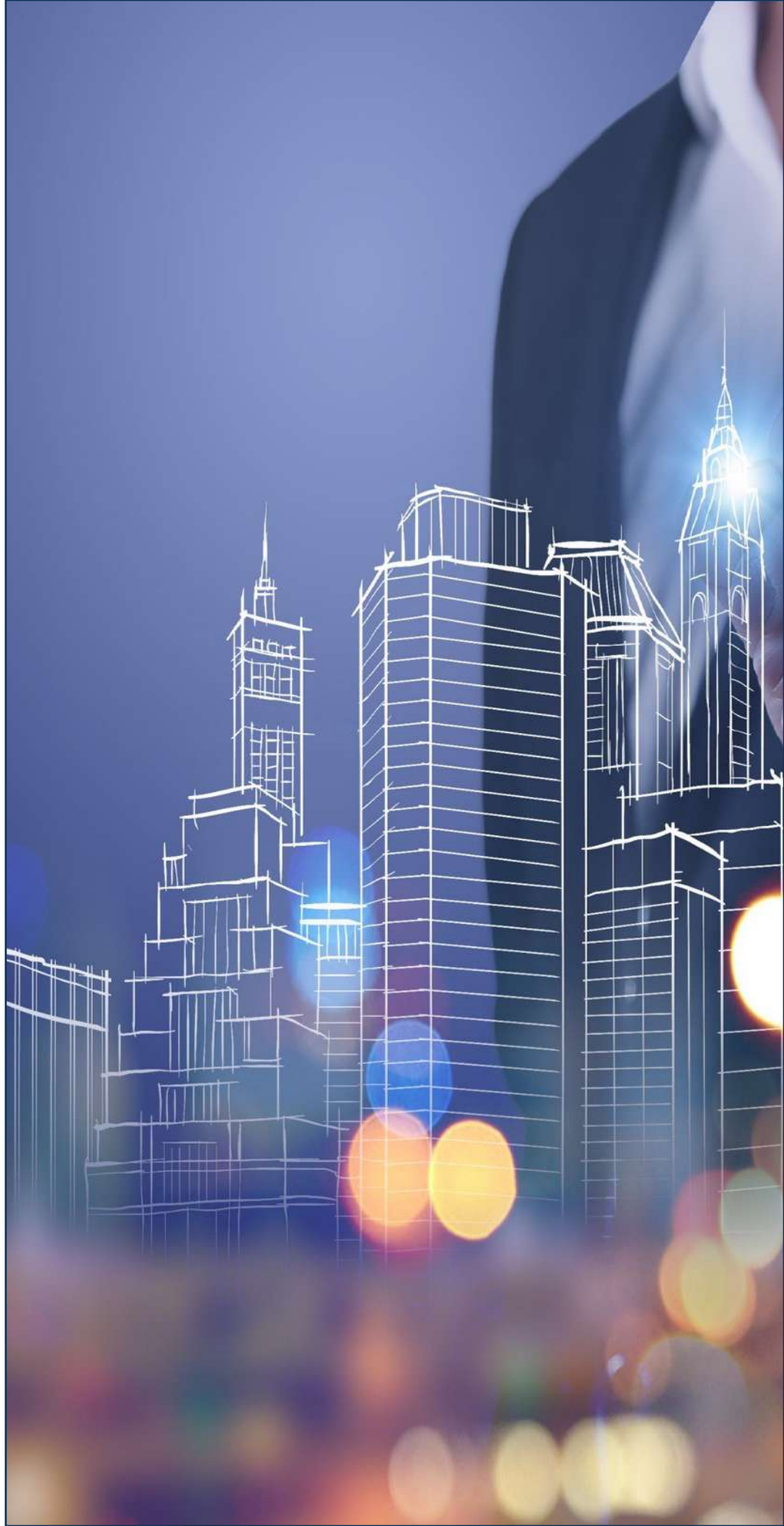
Tối ưu hóa năng lực sản xuất; nâng cao chất lượng sản phẩm; bố trí hợp lý, hiệu quả và chuyên nghiệp đối với hoạt động cung ứng. Quản trị tốt hàng tồn kho, liên tục nắm bắt sát tình hình thị trường trong và ngoài nước để đưa ra các quyết sách kịp thời, linh hoạt.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giữ vững thị phần TOP 5 nhà sản xuất, tiêu thụ thép lớn nhất tại Việt Nam.

Tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý đến Dự án Khu đô thị Việt Đức legend City và thực hiện triển khai công tác xây dựng hạ tầng trong năm 2023 cho Giai đoạn I và GPMB giai đoạn II.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CÔNG TY



Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày 23/3/2023	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	15.525.000	32,06
2	Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.486.421	3,07
3	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.712.528	5,60
4	Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.495.500	5,15
5	Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00
6	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày 23/3/2023	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc	1.486.421	3,07
2	Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	2.712.528	5,60

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày 23/3/2023	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	92	0,00
2	Lê Anh Chung	Thành viên	5.035	0,01
3	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	0	0,00

Cổ đông lớn thời điểm 23/03/2023

STT	Họ tên	Địa chỉ	Ngày 23/3/2023	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Minh Hải	118-120 D1 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	15.525.000	32,06
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 phố Khâm Thiên, phường Đống Đa, Hà Nội	5.203.749	10,75
3	Lê Khánh Huyền	28 đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.990.500	8,24
4	Nguyễn Thị Nhi	Ngõ 79 Lương Khánh Thiện, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	2.712.528	5,60
5	Lê Quốc Khánh	28 đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2.495.500	5,15

Cơ cấu cổ đông thời điểm 23/03/2023

STT	Họ tên	Số lượng	Ngày 23/3/2023	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nội bộ	8	31.418.825	64,88
1.1	HĐQT; Ban TGD; Kế toán trưởng; Ban kiểm soát	6	22.224.576	45,89
1.2	Người có liên quan	2	9.194.249	18,99
2	Cổ đông trong nước	4.869	16.829.605	34,75
2.1	Cá nhân	4.856	16.821.981	34,74
2.2	Tổ chức	13	7.624	0,02
3	Cổ đông nước ngoài	33	179.491	0,37
3.1	Cá nhân	26	123.371	0,25
3.2	Tổ chức	7	56.120	0,12
	Cộng	4.910	48.427.921	100

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 23/03/2023

STT	Họ tên	Số lượng	Ngày 23/3/2023	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	5	29.927.277	61,80
2	Cổ đông sở hữu 1% - 5%	2	2.084.521	4,30
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	4.903	16.416.123	33,90
	Cộng	4.910	48.427.921	100

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan năm 2022

Người thực hiện	Quan hệ cổ đông nội bộ	Cổ phần đầu kỳ		Cổ phần cuối kỳ	
		Số CPH	Tỷ lệ (%)	Số CPH	Tỷ lệ (%)
Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	13.500.000	32,06	15.525.000	32,06
Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.292.540	3,07	1.486.421	3,07
Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.358.720	5,60	2.712.528	5,60
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Vợ CT HĐQT	4.525.000	10,75	5.203.749	10,75
Lê Khánh Huyền	Con CT HĐQT	3.470.000	8,24	3.990.500	8,24
Lê Quốc Khánh	Con CT HĐQT	2.170.000	5,15	2.495.500	5,15

Số lượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan tăng lên là do năm 2022 Công ty chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu





Tình hình trả cổ tức cho Cổ đông từ năm 2007-2022

TT	Năm	Tỷ lệ chia cổ tức	Hình thức trả
1	2007	12,30	Cổ phiếu
2	2008	6,00	Tiền mặt
3	2008	67,70	Thưởng cổ phiếu
4	2009	10,00	Tiền mặt
5	2010	4,00	Tiền mặt
6	2011	0,00	Không trả
7	2012	1,10	Tiền mặt
8	2013	2,00	Tiền mặt
9	2014	2,50	Tiền mặt
10	2015	10,00	Tiền mặt
11	2016	15,00	Tiền mặt
12	2017	12,00	Cổ phiếu
13	2018	0,00	Không trả
14	2019	7,00	Tiền mặt
15	2020	10,00	Tiền mặt
16	2021	15,00	Cổ phiếu
17	2022	10,00	Cổ phiếu



Báo cáo

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU



LÊ MINH HẢI

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 23/3/23

32,06%



NGUYỄN HỮU THẾ

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 23/3/23

3,07%



NGUYỄN THỊ NHI

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 23/3/23

5,60%



NGUYỄN TRỌNG ĐẮC

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 23/3/23

0%



LÊ QUỐC KHÁNH

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 23/3/23

5,15%



BÙI VĂN HIỆU

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 23/3/23

0%

NGÀNH THÉP NĂM 2022

Ngành thép Thế Giới

Đánh giá chung tình hình thép thế giới: Đà tăng trưởng của ngành thép thế giới chậm lại trong năm 2022 trước những biến động khó lường của nền kinh tế toàn cầu. Thị trường thép đối mặt với nhiều khó khăn khi giá nguyên liệu sản xuất tăng cao trong khi nhu cầu thép sụt giảm kéo theo lượng sản xuất thép thô cũng như lượng thép thành phẩm liên tục giảm so với cùng kỳ năm 2021 kể từ đầu quý II/2022 cho đến nay. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 139,1 triệu tấn trong tháng 11, giảm 2,6% so với cùng kỳ năm trước.

Diễn biến giá thép Thế Giới: Hiệp hội thép Việt Nam (VSA) cho biết, trong năm 2022, kinh tế toàn cầu khó khăn khi lạm phát tăng cao, các ngành sản xuất tăng trưởng chậm lại, trong đó có các ngành công nghiệp sử dụng thép.

Giá nguyên vật liệu sản xuất thép biến động mạnh, cụ thể giá các loại quặng sắt, thép phế, than cốc hồi đầu quý II và quý III/2022 liên tục giảm, với mức giảm gần bằng 50-60% so với hồi quý I/2022, các doanh nghiệp sản xuất thép bị ảnh hưởng rất lớn, hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn, hiệu quả thấp.

Trên thế giới, một số tập đoàn thép lớn có kế hoạch đóng cửa lò cao như AcelorMetal thì Việt Nam cũng có các nhà máy thép lớn đã dừng hoạt động của một số lò cao như Hoà Phát, Formosa, Tisco,... hoặc gián kế hoạch sản xuất như Thép Miền Nam, maruichi, Sunscoco



Ngành thép Việt Nam

Đánh giá chung: Năm 2022, trong bối cảnh nền kinh tế trong nước ghi nhận điểm sáng với mức tăng trưởng khá cao hơn 8%, nhưng đối với ngành thép lại là một năm đầy khó khăn. Cả năm 2022, sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 29,3 triệu tấn, giảm 12% và bán hàng thép các loại đạt 27,3 triệu tấn, giảm 7,2% so với năm 2021, trong đó xuất khẩu thép thành phẩm các loại của các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội giảm hơn 20% so với năm 2021.

Diễn biến giá thép Việt Nam: Theo VSA, kể từ cuối quý I/2022, sức ép nhu cầu tiêu thụ yếu và chậm của thị trường nội địa đã khiến giá thép xây dựng nội địa tiếp tục điều chỉnh giảm. Bên cạnh đó, diễn biến đi xuống của giá nguyên liệu đầu vào là những yếu tố để các nhà sản xuất điều chỉnh giá bán thép xây dựng.

Sự phục hồi của nhu cầu bị cản trở bởi áp lực từ diễn biến tăng lãi suất, các ngân hàng siết chặt tín dụng, thị trường bất động sản khó khăn kéo dài, tâm lý thận trọng của khách hàng trước các dự báo về suy thoái kinh tế toàn cầu. Cuối quý IV, thị trường trong nước có những điểm sáng tích cực, xu hướng điều chỉnh tăng giá bán thép trong nước.

Bước sang đầu năm 2023, dự báo giá thép xây dựng nội địa tiếp tục phục hồi theo xu hướng chung của thế giới tiếp theo xu thế điều chỉnh của tháng 12/2022. Giá thép xây dựng tại thị trường thế giới tăng chủ yếu được thúc đẩy bởi chi phí nguyên liệu đầu vào tăng cao.

KHÓ KHĂN NGÀNH THÉP NĂM 2022**Sự “Thăng Trầm” của thị trường bất động sản**

Đầu năm, bất động sản đứng vị trí thứ 2 về thu hút đầu tư nước ngoài. Nhưng từ giữa cuối II/2022, thị trường bất động sản bắt đầu ghi nhận những dấu hiệu trầm lắng. Hàng loạt các chính sách thắt chặt về tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp cùng lãnh đạo một số doanh nghiệp vướng vào lao lý đã khiến tâm lý chung trên thị trường e ngại, mọi giao dịch bị trì hoãn, các dự án đang triển khai phải nhấn nút “tạm dừng”. Tình trạng này không chỉ kéo dài một hai tháng mà đã diễn ra trong suốt nửa cuối năm 2022 và càng về sau thì “sức khỏe” thị trường cũng như cộng đồng doanh nghiệp càng suy giảm. Chính vì BĐS bị trầm lắng kéo dài dẫn đến việc tiêu thụ bị giảm rõ rệt, mặt khác giá bán cũng bị điều chỉnh xuống liên tục mức giảm lên đến 4.000-7.000đ/kg cho sản phẩm thép xây dựng và ống thép

**Giá nguyên liệu giảm liên tục, chi phí đầu vào bị tăng cao**

Do nhu cầu thị trường thép thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng nhu cầu bị giảm sút nặng nề nên giá nguyên liệu đảo chiều giảm mạnh dẫn đến hiệu quả kinh doanh không được cao. Mặt khác chiến tranh Nga – Ukraine đã ảnh hưởng đến khủng hoảng năng lượng cũng như giá dầu thế giới tăng cao...tất cả những điều này dẫn đến giá mua vật tư, nhiên liệu phục vụ sản xuất bị tăng lên đột biến trong khi đó giá bán lại liên tục điều chỉnh giảm, chính vì lẽ đó sản lượng và hiệu quả kinh doanh đều giảm đi rõ rệt



CÁC KHÓ KHĂN NGÀNH THÉP

Biến động tỷ giá USD

Do nguyên liệu phục vụ sản xuất chủ yếu nhập khẩu, trong khi năm 2022 sự biến động tỷ giá USD tăng liên tục trong năm và đỉnh điểm tháng 10, 11 năm 2022. Đến tháng 12/2022 tỷ giá đột ngột quay chiều giảm mạnh. Việc biến động tỷ giá làm ảnh hưởng đến chi phí đầu vào cũng như chi phí tài chính của doanh nghiệp

Tín dụng thắt chặt, lãi suất tăng cao

Năm 2022 việc lãi suất của Ngân hàng liên tục có sự điều chỉnh tăng đặc biệt trong 6 tháng cuối năm, mặt khác Quý IV/2022 các Ngân hàng còn siết chặt tín dụng cho tất cả các doanh nghiệp, vì thế việc thu xếp vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh khó khăn hơn bao giờ hết. Lãi suất tăng cao có ngân hàng cho vay lên đến 12%/năm đã làm ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính của doanh nghiệp. Trong khi giá bán không tăng do nhu cầu yếu



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2022**Về Kết
quả HĐSX
kinh
doanh
năm 2022**

Công ty mẹ: Doanh thu đạt 4.956 tỷ đồng tăng 10,1% so với kế hoạch và tăng 24,2% so năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 43 tỷ đồng giảm 17,3% so kế hoạch và giảm 27,3% so năm 2021.

Hợp nhất: Doanh thu đạt 8.490 tỷ đồng tăng 21,3% so với kế hoạch và tăng 26,8% so năm 2021. Lợi nhuận sau thuế đạt 100 tỷ đồng giảm 5,7% so kế hoạch và giảm 22,4% so năm 2021

**Về việc
trích lập
các quỹ
và Thù
lao HĐQT-
BKS****Về việc trích lập các quỹ từ LNST**

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ Khen thưởng; Quỹ phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ đã thống nhất.

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

Công ty đã thực hiện trả Thù lao cho HĐQT và BKS thấp hơn so với mức mà đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

**Về việc
trả cổ tức
năm 2021**

Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% à toàn bộ cổ phiếu trả cổ tức này đã được niêm yết bổ sung trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định và đúng thời gian mà ĐHĐCĐ thường niên 2022 đã thông qua.

**Lựa chọn
đơn vị
kiểm toán****Lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022**

HĐQT đã phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho giữa niên độ và cả năm 2022



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**Đánh giá chung**

Nhìn chung, năm 2022, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, đúng Điều lệ. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra. HĐQT đã đưa ra và triển khai các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp theo định kỳ nội dung chủ yếu như sau:

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác đã được Đại hội đồng cổ đông 2022 thông qua.

Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả HĐSXKD của Công ty hàng quý và năm 2022.

Chỉ đạo thực hiện trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định Công ty để quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.

Chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, công tác đầu tư.

Chỉ đạo công tác tổ chức, cán bộ diện HĐQT công ty quản lý.

Chỉ đạo tổ chức hội nghị hội nghị tổng kết công tác năm 2022 và hội nghị người lao động năm 2023.

Chỉ đạo định hướng công tác xây dựng KHKD năm 2023 và công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2022.

Căn cứ Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, HĐQT đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và thành viên Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Theo đánh giá của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT.

Năm 2022, Ban Giám đốc đã tham mưu đề xuất HĐQT thực hiện các công việc sau:

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 16 tháng 04 năm 2022.

Hoàn thành tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông.

Điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác theo đúng quy định tại Điều lệ; Nghị quyết HĐQT và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

Thực hiện tham mưu, tái cấu trúc, sắp xếp, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm một số lãnh đạo trong bộ máy quản lý của Công ty và đơn vị trực thuộc theo đúng quy định.

Các Lĩnh vực hoạt động của Công ty dưới sự chỉ đạo của HĐQT, đều được bộ phận giúp việc của HĐQT báo cáo tổng kết, đánh giá định kỳ.

Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp đầy đủ, kịp thời các vấn đề còn tồn tại.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT**Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 (tiếp)**

Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các thành viên đã khẩn trương, nghiêm túc xây dựng, triển khai nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao Ban Tổng giám đốc và các thành viên đều báo cáo đầy đủ, kịp thời.

Năm 2022, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò qua các giải pháp điều hành SXKD kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc và các thành viên luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách là những chỉ đạo của HĐQT. Đồng thời, tập trung, chú trọng thực hiện để đạt kết quả cao nhất.

Tự vấn cho HĐQT các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, kiện toàn mô hình tổ chức, tinh giảm biên chế, sử dụng nhân lực đúng năng lực phù hợp với hoạt động của Công ty.

Tham mưu, tư vấn cho HĐQT kiện toàn hệ thống văn bản, đẩy mạnh cải cách hành chính, áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý hệ thống văn bản của công ty.

Tham mưu, tư vấn cho HĐQT các công nghệ tiên tiến, áp dụng vào hoạt động sản xuất để tiết giảm chi phí, cải thiện chất lượng sản phẩm.

Tiếp tục tham mưu cho HĐQT triển khai nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng và bồi đắp văn hóa doanh nghiệp. Tự đào tạo và đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu, nâng cao trình độ cho các cấp lãnh đạo quản lý

Đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Công ty.

Trong năm 2022, thực hiện chức năng quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã tổ chức triển khai các công tác sau:

Rà soát, đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Công ty;

Làm việc với Đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

Về tình hình tài chính

HĐQT xác nhận tình hình tài chính của Công ty trong năm 2022 tốt và minh bạch, cụ thể:

Công ty tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán DN Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán.

Chứng từ kế toán được quản lý chặt chẽ và lưu trữ có hệ thống theo quy định, đảm bảo truy xuất nhanh chóng, đầy đủ khi có yêu cầu kiểm tra, kiểm toán.

Việc mở sổ kế toán và sổ quỹ thực hiện đúng theo quy định hiện hành, thực hiện ghi chép, cập nhật kịp thời, chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong ngày.

Chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tính thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đáp ứng các quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn về tài chính kế toán.

Công ty đã nỗ lực trong các công tác tiết giảm chi phí, đẩy mạnh bán hàng để ghi nhận lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD, kéo giảm dư nợ vay hiệu quả, đảm bảo tình hình cân đối tài chính của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Đánh giá tình hình tài chính - kế toán của Công ty (tiếp)

Về Báo cáo tài chính

HĐQT xác nhận các thông tin trong báo cáo kinh doanh; báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm của Công ty (gồm báo cáo riêng và báo cáo hợp nhất) được trình bày một cách trung thực, hợp lý, nhất quán, phù hợp với các quy định của pháp luật

Dựa trên các báo cáo được Ban TGD trình bày tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, kết quả kiểm tra thực tế, cũng như số liệu kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, HĐQT nhận định tình hình tài chính của Công ty minh bạch, rõ ràng và lành mạnh



Kiểm tra, giám sát các giao dịch với người có liên quan.

Trong năm 2022 việc giám sát, kiểm tra các giao dịch với người có liên quan được thực hiện chặt chẽ, theo đúng quy định pháp luật, chi tiết như sau:

Việc giao kết, thực hiện các giao dịch đều phải thông qua HĐQT theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế giao dịch với người có liên quan hiện hành của Công ty, phù hợp với quy định tại Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán hiện hành.

Việc giao kết, thực hiện các giao dịch đều dựa trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện theo đúng quy định pháp luật và quy định Công ty.

Các giao dịch đều được giao kết bằng văn bản, đảm bảo tính minh bạch, hài hòa lợi ích của cổ đông và lợi ích của các bên tham gia giao dịch



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Hoạt động quan hệ cổ đông

Trong năm 2022 Công ty đã cung cấp thông tin đến cổ đông kịp thời và chính xác, đảm bảo tính thống nhất và liên tục của thông tin. Bên cạnh đó, thông qua các kênh thông tin truyền thống như website, mạng xã hội..., để các cổ đông có nhiều nguồn nắm bắt để đảm bảo quyền của tất cả cổ đông trên cơ sở bình đẳng, minh bạch

Hoạt động công bố thông tin theo quy định pháp luật

Công ty luôn chú trọng thực hiện đầy đủ các quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC và thực hiện công bố thông tin một cách chính xác, kịp thời, theo đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh việc công bố thông tin theo quy định, Các thông tin quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp cũng được Công ty kịp thời cập nhật và công bố đến cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán, cổ đông và nhà đầu tư



Công tác giám sát đối với Giám đốc và người quản lý.

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Giám đốc và người quản lý khác, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động điều hành của các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty.

HĐQT đã chỉ đạo, giám sát hoạt động của Giám đốc thông qua đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và năm 2022, quyết định những mục tiêu cụ thể và đưa ra các chủ trương, định hướng và giải pháp trọng tâm để Ban Tổng Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Trong năm 2022, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban điều hành đã chỉ đạo quyết liệt và thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ. Nhiều mặt hoạt động của Công ty được đặc biệt quan tâm như: Công tác đầu tư; tiết giảm, sử dụng hợp lý chi phí; rà soát, ban hành các định mức chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; quản lý chặt chẽ công nợ, bảo đảm an toàn tài chính và hiệu quả kinh doanh.

Nhìn chung năm 2022, các thành viên Ban Tổng giám đốc và người quản lý Công ty đã thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT ghi ghi nhận và đánh giá cao những thành tích và Kết quả trong HĐSXKD của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm qua.



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Đánh giá chung năm 2023

**Các thách thức phải đối mặt trong năm
2022-2023**

Định hướng cụ thể năm 2023

KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG 2023

Đánh giá chung năm 2023

Năm 2023, các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước vẫn sẽ đối diện với loạt khó khăn khi nhu cầu xây dựng giảm, giá nguyên liệu đầu vào sản xuất tăng

Ngành bất động sản sau một năm 2022 trầm lắng, dự kiến sẽ chưa thể phục hồi trong năm 2023 nên khó hỗ trợ cho nhu cầu thép nội địa tăng trở lại

Nhu cầu đầu tư và tiêu dùng toàn cầu và gián tiếp là nhu cầu sử dụng thép đã thu hẹp trong năm 2022 do lãi suất tăng và sức mua suy yếu. Điều này sẽ còn tiếp diễn khi làn sóng thắt chặt chính sách tiền tệ được dự báo vẫn kéo dài đến tháng 5/2023

Tiêu thụ thép trong nước năm 2023 có thể được hỗ trợ bởi đầu tư công. Cụ thể, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tổng vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 đạt 2,8 triệu tỷ đồng, tăng 43,5% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020.

Giải ngân đầu tư công đã tăng tốc dần trong quý IV/2022.

Về mảng xuất khẩu, lạm phát tăng nhanh và làn sóng thắt chặt chính sách tiền tệ toàn cầu làm giảm nhu cầu đầu tư và tiêu dùng, kéo theo tiêu thụ thép yếu dần từ quý III/2022. Xuất khẩu thép sẽ tiếp tục trầm lắng trong các quý I, II và đến giữa năm 2023 mới phục hồi khi áp lực tăng lãi suất dịu bớt trên toàn cầu.

Dự báo từ quý III/2023, khi áp lực tăng lãi suất dịu bớt trên toàn cầu nhu cầu thép toàn cầu mới có khả năng tăng trở lại. Theo Hiệp hội Thép thế giới (WSA), nhu cầu thép thế giới sẽ giảm 2,3% trong năm 2022 và tăng 1% trong năm 2023.

Gánh nặng VND mất giá và lãi suất tăng vẫn lớn, tiếp tục ảnh hưởng lên chi phí tài chính. Do đó, các doanh nghiệp đang và sẽ giới hạn tác động của vấn đề tỷ giá và lãi suất thông qua thắt chặt nhu cầu vay mượn và quản trị vốn lưu động chặt chẽ hơn



KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG 2023

Các thách thức phải đối mặt trong năm 2022-2023

Xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine từ tháng 02 năm 2022 đẩy mối quan hệ giữa Mỹ và EU phải liên tục đưa ra các biện pháp trừng phạt với Nga làm giá cả các mặt hàng năng lượng, lương thực thiết yếu vẫn liên tục ở giá cao, lạm phát gia tăng, nhu cầu thị trường giảm sút rõ rệt điều này ảnh hưởng lớn đến tình hình phát triển kinh tế Thế giới và trong đó có Việt Nam.

Chính sách bảo hộ thương mại ở các quốc gia vẫn đang chiều hướng tăng lên.

Mức độ cạnh tranh ngày càng lớn đối với các lĩnh vực đặc biệt là ngành thép. Nhiều nhà máy nhỏ lẻ ra đời và bán với giá khá thấp làm ảnh hưởng lớn đến việc kinh doanh trong bối cảnh nhu cầu thị trường yếu như hiện nay.

Vốn vay vẫn đang ở mức cao điều này sẽ làm chi phí tài chính tăng lên

Nhu cầu thị trường giảm sút rõ rệt do ngành BĐS vẫn chưa khởi sắc.



Định hướng cụ thể năm 2023

Năm 2023 xác định là một năm còn nhiều khó khăn và thách thức đặc biệt 6 tháng đầu năm, có thể khó khăn hơn cả năm 2022.

Chính vì vậy HĐQT xác định luôn luôn sẵn sàng trong tâm thế đối mặt với những biến động khó lường của Kinh tế nói chung và ngành thép nói riêng, vì vậy năm 2023 định hướng của HĐQT sẽ tập trung các nội dung chính sau:

Tập trung cao độ để hoàn thiện thủ tục Pháp lý cho Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City Giai đoạn I và triển khai việc xây dựng hạ tầng cho giai đoạn I trong năm 2023.

Tăng cường nâng cao hệ thống quản lý chất lượng, quản lý hàng tồn kho tránh để hàng tồn kho lâu, luôn duy trì hàng tồn kho đảm bảo hoạt động sản xuất không bị gián đoạn.

Thắt chặt và kiểm tra liên tục việc tiết giảm chi phí trong sản xuất và trong hoạt động của toàn Công ty.

Chỉ đạo triển khai đồng bộ các giải pháp để phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng; Tăng hiệu quả chất lượng, dịch vụ; Gia tăng sản lượng, năng suất lao động; đẩy mạnh phát triển công tác kinh doanh.

Duy trì hệ thống quản lý và cung cấp thông tin báo cáo kịp thời, chính xác để HĐQT chỉ đạo và điều hành công việc đạt hiệu quả.

Chỉ đạo công tác kiểm soát nội bộ nhằm kịp thời chấn chỉnh hệ thống quản lý đảm bảo đúng thẩm quyền, nguyên tắc và minh bạch



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA BAN KIỂM SOÁT



NGÔ VI ANH TÚ

Trưởng ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần
tại ngày 23/3/2023

0,0002%



LÊ ANH CHUNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần
tại ngày 23/3/2023

0,01%

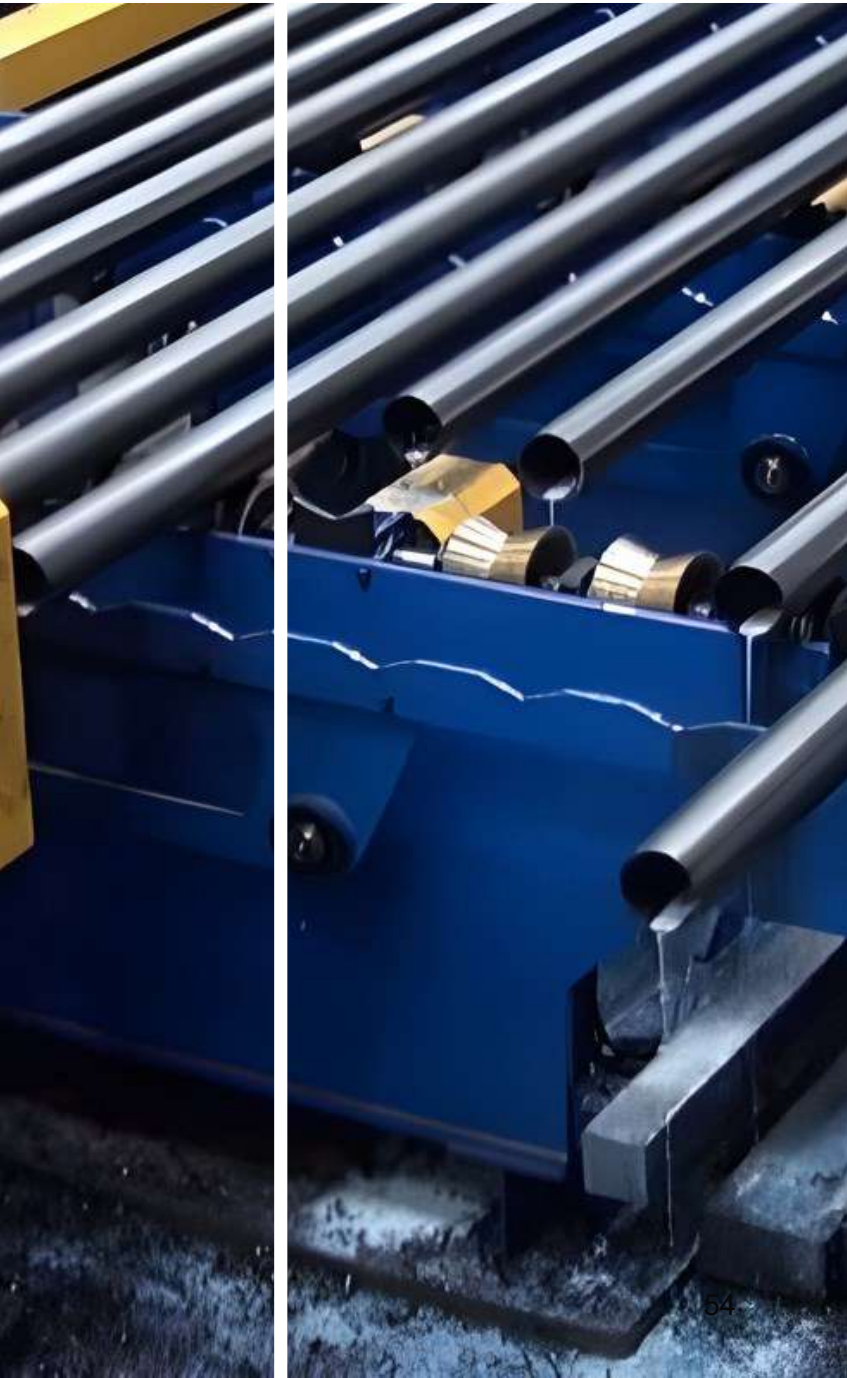


NGUYỄN THỊ HOA

Thành viên Ban Kiểm soát

Tỷ lệ sở hữu cổ phần
tại ngày 23/3/2023

0,00%



Báo cáo **BAN KIỂM SOÁT**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, góp phần cùng toàn Công ty hoàn thành toàn diện Kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành viên Ban kiểm soát đều hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ, các cuộc hội ý, trao đổi; cùng tham gia thảo luận và biểu quyết thống nhất, thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát đầy đủ, kịp thời, có chất lượng các nội dung giám sát theo quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Qua giám sát, Ban Kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị đối với Ban lãnh đạo Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện đầy đủ theo quy định

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Giám sát tính tuân thủ pháp luật, Điều lệ trong hoạt động của Công ty

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy năm 2022 hoạt động của Công ty đã bám sát các định hướng, chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã phê duyệt.

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành đã đề ra chương trình hành động cụ thể đảm bảo triển khai đồng bộ, quyết liệt, có hiệu lực, hiệu quả trong toàn Công ty, luôn chủ động nâng cao năng lực quản trị đồng thời thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định mới của pháp luật để bổ sung, sửa đổi điều lệ, cơ cấu tổ chức, các quy trình, quy định cho phù hợp



Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành, các đơn vị thành viên trong Công ty triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/4/2022 Kết quả cụ thể như sau:

Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 do ĐHĐCĐ đề ra.

Trích lập các quỹ của phần lợi nhuận sau thuế năm 2022 đã thực hiện theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/04/2022.

Chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được thực hiện theo phê duyệt của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-VGS ngày 16/04/2022.

Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm 2022.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tập chung chỉ đạo công tác GPMB cũng như hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan đến Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City. Hiện dự án đang gấp rút hoàn thiện nốt các thủ tục pháp lý và sẽ triển khai xây dựng trong năm 2023

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Giám sát công tác quản trị điều hành

Qua giám sát, Ban Kiểm soát ghi nhận năm 2022 HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai đầy đủ, đúng định hướng và mục tiêu kinh doanh của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua. Các hoạt động, chỉ đạo của Hội đồng quản trị được thể hiện thông qua Nghị quyết, Quyết định theo thẩm quyền, tuân thủ Điều lệ, và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

Các nội dung chỉ đạo trong năm tập trung về việc thông qua triển khai Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Rà soát cơ chế chính sách chế độ, kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao chất lượng nhân lực và chuẩn hóa công tác cán bộ; Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra giám sát;

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các chiến lược phát triển trung và dài hạn làm nền tảng cho việc quản trị, điều hành, triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Công ty theo quy định,... Tổng Giám đốc đã hoạch định, xây dựng và đăng ký kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể và tổ chức thực hiện trong từng thời điểm cho phù hợp, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện cũng như những tồn tại, vướng mắc và đề xuất để HĐQT xem xét xử lý, điều chỉnh phù hợp.

Các nội dung chỉ đạo, điều hành cụ thể đã được Ban điều hành và Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ, Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo hoạt động của ban điều hành và HĐQT



Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

Báo cáo tài chính năm 2022 được lập theo chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành, đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2022 và đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời, các thông tin về tình hình tài chính được công bố và thuyết minh một cách rõ ràng đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan hữu quan và nhà đầu tư

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty được thể hiện đầy đủ, rõ ràng trong báo cáo tài chính. Trong báo cáo tài chính không có ngoại trừ của Công ty kiểm toán.

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến nhận xét và đánh giá về hoạt động tài chính và báo cáo năm 2022 của Công ty kiểm toán. (Chi tiết Báo cáo tài chính đăng tải trên website: vgpipe.com.vn)



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Kiểm tra, giám sát và cập nhật danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết

Ban Kiểm soát thường xuyên kiểm tra giám sát và cập nhật kịp thời danh sách những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, đồng thời giám sát việc công bố thông tin đối với các thay đổi này.

Trong năm 2022 danh sách thay đổi thuộc các đối tượng nêu trên đều được Công ty công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật

Các công tác khác

Ban kiểm soát đã thực hiện nhiều hoạt động thường xuyên, đột xuất khác như thực hiện giám sát việc tổng hợp ý kiến các thành viên HĐQT trong HĐSXKD, quản trị điều hành Công ty.

Tham gia ý kiến xây dựng các văn bản nội bộ Công ty; tham gia công tác lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập và phối hợp với kiểm toán độc lập trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty

Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Hầu hết các thành viên trong HĐQT có hiểu biết và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất thép, bên cạnh đó có trình độ về quản trị doanh nghiệp vì đã được đào tạo và kinh qua nắm giữ các trọng trách lãnh đạo tại doanh nghiệp, trên cơ sở đó cho thấy HĐQT có đầy đủ có tầm nhìn chiến lược để lãnh đạo Công ty.

Nhìn chung, HĐQT Công ty đã thực hiện đầy đủ, nghiêm chỉnh các nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT theo điều lệ Công ty, đảm bảo việc chỉ đạo, quản trị Công ty theo đúng pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo nguyên tắc: tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ và vì lợi ích chung của Công ty.

Trong năm 2022, trên cơ sở đề xuất của Ban kiểm soát HĐQT đã có những cơ chế phối hợp hoạt động và trao đổi thông tin giữa HĐQT, Tổng Giám đốc, các bộ phận, đơn vị trực thuộc, yêu cầu mọi cá nhân ở tất cả các cấp, các bộ phận có liên quan đều được thông báo, phổ biến, tuyên truyền về chính sách, quy trình, mục tiêu kinh doanh, thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của mình

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

Một số khuyến nghị của Ban kiểm soát

Nhằm thực hiện tốt vai trò đại diện cho cổ đông để quyết định các chính sách điều hành Công ty, trong năm 2023 Ban kiểm soát khuyến nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thực hiện một số nội dung sau:

Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, kiểm soát số liệu, việc chấp hành tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình của Công ty cho phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sắp xếp nhân lực cho các bộ phận phù hợp để tinh gọn bộ máy, giảm chi phí cho Công ty

Tính toán dòng tiền cụ thể chi tiết và khoa học, cân đối nguồn vốn, lãi suất hợp lý tối đa hóa hiệu quả kinh doanh cho Công ty



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Tiếp tục triển khai công tác kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tập trung thực hiện kiểm tra giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Công ty, giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo công tác quản trị của HĐQT năm 2023.

Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản trị, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng thanh toán của Công ty.

Giám sát hoạt động công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho Cổ đông và các bên liên quan.

Thực hiện công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát





**Chiến lược
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2023

VG PIPE tin tưởng rằng để có thể đem lại giá trị bền vững, lâu dài và cống hiến cho xã hội, trước hết VG PIPE phải là một Công ty tăng trưởng bền vững. Trên cơ sở nguồn lực kinh tế vững chắc.

Công ty tập trung vào việc sản xuất, kinh doanh mặt hàng thép, ống thép là cốt lõi và tiếp theo là đầu tư Bất động sản. Thực hiện mục tiêu tăng trưởng vững chắc, hoạt động ổn định có hiệu quả trong trung dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh thực hiện nhiều chiến lược phát triển nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan và thực thi trách nhiệm với xã hội

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, VG PIPE đã từng bước phát triển vững mạnh, tái cấu trúc và định hướng hoạt động hài hòa theo 3 nhóm lĩnh vực chính gồm Sản xuất thép – Ống thép; Kinh doanh thương mại và Đầu tư kinh doanh Bất động sản, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm cung cấp cho khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế - Xã hội - Môi trường luôn được quan tâm, đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn bộ các Công ty thuộc Ống thép Việt Đức.

Chiến lược phát triển bền vững của VG PIPE năm 2023 là đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan và hài hòa cả bốn mục đích:

01. Tối ưu kinh tế để tăng trưởng một cách hiệu quả và bền vững

Đảm bảo hiệu suất kinh tế và tăng trưởng hiệu quả, bền vững.

Duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép

Đóng góp bền vững cho nền kinh tế

Tuân thủ chuẩn mực về phát triển dự án, đảm bảo các yếu tố môi trường và xã hội

Củng cố năng lực quản trị và quản lý doanh nghiệp

02. Có trách nhiệm với xã hội

Phát triển sản phẩm vì cộng đồng

Cải thiện môi trường xã hội tại những nơi có hiện diện của VG PIPE

Thể hiện trách nhiệm với đối tác, khách hàng, và cộng đồng.

03. Bảo vệ môi trường

Tiết kiệm điện, nước, giảm thiểu khí thải và tiếng ồn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Phát huy Đề án bảo vệ môi trường trong quản lý các công trình bất động sản và trong HĐSXKD của Công ty.

Kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gần gũi với thiên nhiên

04. Phát triển nhân sự bền vững

Bảo đảm quyền lợi và bình đẳng đối với người lao động.

Xây dựng môi trường gắn kết - văn hóa vững mạnh

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực bền vững

Gắn kết người lao động thông qua các hoạt động đoàn thể và cộng đồng.

CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ GIÁ TRỊ VG PIPE MANG LẠI

Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Hiệu quả kinh doanh; Trả cổ tức;
Cơ chế quản trị doanh nghiệp minh bạch, công bằng, bảo vệ lợi ích cổ đông
Công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, lấy ý kiến cổ đông về các quyết sách quan trọng thông qua các kỳ họp ĐHCĐ hoặc bằng văn bản.
Tạo cơ hội để cổ đông và nhà đầu tư gặp gỡ Ban lãnh đạo để hiểu về chiến lược của Công ty, thông qua các kỳ họp thường kỳ.

Đối với Cộng đồng địa phương

Tiến hành nghiên cứu tác động môi trường, cộng đồng trước khi triển khai các dự án mới (nếu có)
Thường xuyên trao đổi với các cơ quan quản lý địa phương để cải thiện môi trường sở tại.
Tại mỗi địa bàn hoạt động, tận dụng nguồn nhân lực tại chỗ, tạo công ăn việc làm và góp phần cải thiện kinh tế địa phương

Đối với Cơ quan quản lý

Tham gia hội nghị, hội thảo do các cơ quan quản lý tổ chức.
Tham gia góp ý các dự thảo chính sách, văn bản luật

Đối với Đối thủ cạnh tranh

Có thái độ thiện chí, học hỏi những thành công của họ. Không nói xấu mà công nhận những thành công của họ.
Cạnh tranh công bằng, nhất quán với nguyên tắc kinh doanh trung thực, lấy chất lượng, uy tín và thương hiệu đặt lên hàng đầu.

Đối với Khách hàng

Nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; Mở rộng hệ thống phân phối, kịp thời đáp ứng nhanh nhất nhu cầu của khách hàng.
Lấy “Sự hài lòng của khách hàng làm thước đo đánh giá sự thành công”, luôn quan tâm, lắng nghe trên tinh thần cầu thị và sẵn sàng thỏa mãn những yêu cầu của khách hàng trong suốt quá trình tương tác.
Thể hiện sự tri ân đối với khách hàng thông qua tổ chức hội nghị khách hàng và chính sách hấp dẫn.
Tuân thủ các quy định pháp luật tại thị trường trong và ngoài nước;
Chính sách giá hợp lý và cạnh tranh, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích người tiêu dùng và lợi ích doanh nghiệp...
Tích cực tham gia bảo vệ người tiêu dùng trước vấn nạn thép giả bằng cách truyền thông rộng rãi những phương pháp phân biệt sản phẩm chính hãng và sản phẩm giả, kém chất lượng, giúp khách hàng, người tiêu dùng tránh được những mất mát gian lận thương mại, đúng với phương châm “Lợi ích khách hàng là then chốt”.

Đối với Nhà cung cấp

Đối xử bình đẳng, minh bạch, sẵn sàng hợp tác và hỗ trợ toàn diện trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.
Lựa chọn nhà cung ứng một cách công bằng dựa trên hồ sơ về năng lực, sự uy tín trong hợp tác, kinh nghiệm trên thị trường và có nhận thức tốt về bảo vệ môi trường.
Không tiết lộ thông tin mật của nhà cung ứng cho bên thứ ba

CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ GIÁ TRỊ VG PIPE MANG LẠI

Người lao động

Ý thức được yếu tố con người chính là cốt lõi của sự phát triển, Công ty luôn áp dụng các chế độ phúc lợi, các chính sách đãi ngộ hấp dẫn cũng như xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết, thi đua cùng phát triển cho CBNV. Duy trì mức thu nhập của CBNV luôn cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường lao động và phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Nghiên cứu ban hành, sửa đổi một số chính sách về lương, thưởng, phụ cấp rõ ràng và công bằng sao cho thỏa đáng với công sức và tâm huyết của người lao động.

Cam kết đảm bảo lợi ích, quyền lợi và an toàn nghề nghiệp cho người lao động theo quy định pháp luật cũng như phản đối mọi hình thức lao động cưỡng bức. Quản trị trên cơ sở tôn trọng người lao động bao gồm tôn trọng quyết định, mong muốn, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác.



Truyền thông

Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí, truyền hình trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.

Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp báo chí có thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty.

Bình tĩnh xử lý sự cố truyền thông với thái độ cầu thị, phát ngôn chuẩn mực trước những phản đối và cáo buộc.

Đưa ra những thông tin, khuyến cáo về tình trạng ống và thép giả để báo chí kịp thời truyền thông đến khách hàng.

Trách nhiệm cộng đồng

Công ty luôn đặt trách nhiệm đối với xã hội lên hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của mình.

Cam kết đặt yếu tố môi trường lên trên sự phát triển, hạn chế đến mức tối thiểu sự tác động đến môi trường trong quá trình triển khai và đưa vào hoạt động các dự án sản xuất.

Khẳng định tinh thần làm việc với tất cả lương tâm và trách nhiệm sao cho vừa bảo vệ được môi trường vừa tạo được sự tăng trưởng cho xã hội, đất nước.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các chương trình, hoạt động từ thiện và tài trợ, chung tay góp sức xây dựng cộng đồng ngày một phát triển.

Bằng những đóng góp tích cực cho xã hội, Công ty đã gây dựng được hình ảnh một doanh nghiệp có ý thức, trách nhiệm cao đối với xã hội, mang lại những giá trị tốt nhất cho cộng đồng.



XÁC ĐỊNH VÀ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Dựa trên thực tế hoạt động và trao đổi với các bên liên quan, VG PIPE nhận diện và xác định những vấn đề trọng yếu cần giải quyết, nhằm đánh giá đúng mức độ ưu tiên để phân bổ nguồn lực một cách hợp lý, Công ty xếp hạng các vấn đề dựa trên mức độ quan tâm của các bên và mức độ ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp. Qua phân tích, VG PIPE đã xác định được danh sách các vấn đề trọng yếu cần xử lý như sau:

Đối với cổ đông và nhà đầu tư: Hiệu quả kinh tế, hiện diện trên thị trường

Đối với cộng đồng địa phương: Nước thải và chất thải, Năng lượng, Cộng đồng địa phương

Đối với người lao động: Đa dạng và cơ hội bình đẳng, Thù lao công bằng, Việc làm, đào tạo, Quyền con người

Đối với khách hàng: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ, sự uy tín, lợi ích đem lại và có trách nhiệm sản phẩm.

Đối với cơ quan quản lý: Tuân thủ đầy đủ các quy định về môi trường và chính sách pháp luật.

Đối với đối tác, nhà cung cấp: Cơ hội bình đẳng trong việc đánh giá nhà cung ứng. Thanh toán đúng hạn.

Phát triển bền vững: Tích hợp hoạt động phát triển bền vững vào hoạt động quản trị, vận hành và tại mọi cấp từ lãnh đạo đến nhân viên. Tiêu chí về phát triển bền vững được xây dựng chi tiết, cụ thể và được dùng làm một trong những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của từng thành viên trong Ban Giám đốc, Lãnh đạo cao cấp của Công ty đến tới CBCNV.

Tích hợp với hoạt động quản lý và vận hành: Từ định hướng phát triển bền vững của Công ty, Ban Lãnh đạo xây dựng những chính sách, chỉ tiêu và cơ chế cụ thể để đánh giá, giám sát việc hoàn thành chỉ tiêu phát triển bền vững.

Đào tạo: Nhằm đảm bảo quy trình, sáng kiến phát triển bền vững được triển khai hiệu quả, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo cho nhân viên các cấp để phổ biến kiến thức và kỹ năng cần thiết.



Trách nhiệm VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

**TRÁCH NHIỆM VỚI
NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Thực hiện đúng quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể được ký kết đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp người lao động và người sử dụng lao động.

Theo đó, người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện các giải pháp ổn định sản xuất, phát triển kinh doanh nhằm đảm bảo việc làm và góp phần tăng thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đào tạo phát triển nhân viên, chính sách lương thưởng đãi ngộ, tạo môi trường làm việc an toàn, thoải mái và có lợi cho người lao động. Song song đó, người lao động phải hoàn thành tốt công việc được giao; tuân thủ các quy định làm việc và nội quy của Công ty; có sáng kiến đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; cam kết làm việc sau đào tạo tùy theo kinh phí tài trợ đào tạo; chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về an toàn vệ sinh lao động, PCCC. Thỏa ước này do đại diện của tập thể người lao động và người sử dụng lao động thương

lượng và ký kết trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và công khai. Ngoài thỏa ước lao động tập thể, nhằm hướng đến sự phát triển bền vững. Công ty còn chú trọng thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa người sử dụng lao động và Người sử dụng lao động thông qua các nội dung điển hình như sau:

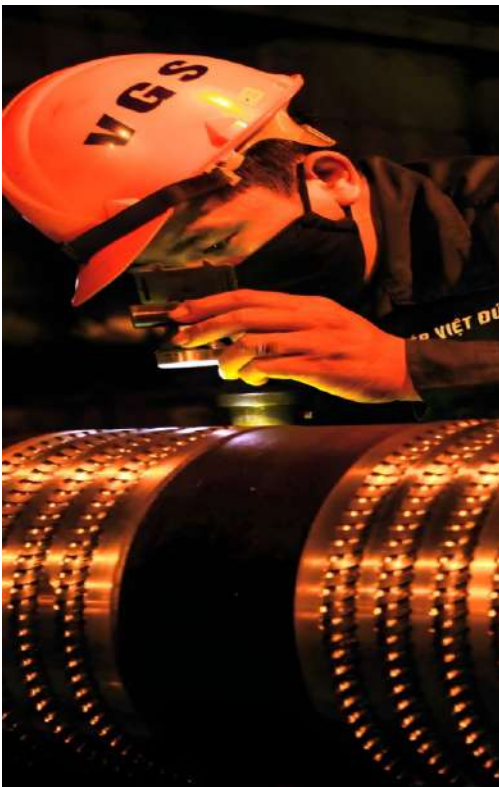
Tổ chức đối thoại với người lao động theo định kỳ; Tất cả nhân viên đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật;

Báo cáo định kỳ tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

Giải thích rõ mục đích, ý nghĩa của việc đánh giá, xếp loại CBCNV;

Giải đáp thắc mắc, kiến nghị của người lao động trong các cuộc họp;

Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và hưởng sự bảo vệ thích đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp. Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.





AN TOÀN - CHĂM LO **SỨC KHỎE CBCNV**

Để bảo đảm sức khỏe làm việc cho CBCNV, Công ty luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật liên quan đến ATLĐ, xây dựng hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

Các tiêu chuẩn, quy phạm của Nhà nước cũng như nội quy, quy chế của Công ty về an toàn lao động và sức khỏe nghề nghiệp đều được bộ phận An toàn lao động cập nhật kịp thời và phổ biến đầy đủ đến người lao động trước khi tham gia vào dây chuyền sản xuất.

CBCNV được trang bị dụng cụ bảo hộ đạt tiêu chuẩn chất lượng, được mua bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ để hạn chế tối đa những rủi ro cũng như phát hiện bệnh, điều trị kịp thời. Chính sách bồi dưỡng bằng hiện vật đối với CBCNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại, ảnh hưởng đến sức khỏe được thực hiện theo quy định hiện hành. Ở kho bãi, nhà xưởng, văn phòng được trang bị các hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy, bình bột, bình CO2. Hằng năm, Công ty tổ chức tập huấn an toàn lao động cho tất cả CBCNV nói chung và cho CBCNV trực tiếp sản xuất nói riêng về sơ cấp cứu, ATLĐ, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, an toàn điện, an toàn thiết bị nâng, PCCC,...

Nơi làm việc của công ty luôn đảm bảo thông thoáng và đầy đủ ánh sáng, các yếu tố như bụi bẩn, khí độc, tiếng ồn,... được đo lường kỹ lưỡng, tránh gây hại cho môi trường và sức khỏe NLD.

Công ty có thành lập Phòng y tế, có nhân viên y tế trực 24/24 để kịp thời sơ cứu, xử lý các tình huống khẩn cấp và chăm sóc sức khỏe cho CBCNV. Mỗi dây chuyền có trang bị tủ dụng cụ y tế để sơ cứu tại chỗ để bảo sức khỏe cho CBCNV.

CÁC HOẠT ĐỘNG VỀ ATLĐ VÀ CHĂM LO SỨC KHỎE CBCNV

Thực hiện che chắn, cảnh báo các khu vực nguy hiểm. Kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng kế hoạch.

Điều chỉnh, cải tiến máy móc thiết bị để công nhân vận hành an toàn hơn.

Kiểm định đúng thời hạn các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe nghề nghiệp nhằm phát hiện sớm các bệnh lý để kịp thời điều trị. Thực hiện bồi dưỡng độc hại cho CBCNV làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại.

Bố trí phòng y tế riêng biệt tại khu vực sản xuất, hoạt động 24/24 đảm bảo chăm sóc tốt nhất cho người lao động.

TUYÊN TRUYỀN – TẬP HUẤN ATLD

Năm 2022, Công ty đã tổ chức các khóa huấn luyện về an toàn - vệ sinh lao động như:

Khóa huấn luyện an toàn lao động chung cho toàn bộ CBNV. Khóa huấn luyện An toàn lao động cho công nhân vận hành thiết bị nâng, công nhân vận hành thiết bị áp lực, công nhân bảo trì điện, công nhân hàn cắt kim loại và khóa huấn luyện cho công nhân làm việc trên cao. Khóa tập huấn về an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ.

Ngoài ra, ban An toàn lao động, tổ Giám sát nội quy còn tiến hành kiểm tra, nhắc nhở hằng ngày CBNV về việc tuân thủ các nội quy, quy định an toàn lao động của Công ty.



BIỆN PHÁP VỀ PCCC

Đội PCCC cơ sở được tổ chức đúng theo yêu cầu của luật định. Định kỳ hằng năm, mời cảnh sát PCCC đến phổ biến các quy định mới về PCCC cũng như cách sử dụng thiết bị PCCC, phương án chữa cháy khi có sự cố xảy ra. Tổ chức diễn tập PCCC ít nhất 1 lần/năm, sẵn sàng khi xảy ra tình huống xấu nhất.

Bình chữa cháy được sạc nạp thường xuyên, đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng. Thay mới các bình chữa cháy đã sử dụng lâu, không đảm bảo yêu cầu về chữa cháy. Hệ thống báo cháy được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hàng năm bởi đơn vị có năng lực. Kiểm tra định kỳ an toàn hệ thống điện, sửa chữa khắc phục kịp thời những hiện trạng mất an toàn để dẫn đến chập điện.

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tiền lương và các khoản hỗ trợ

Năm 2022 là một năm kinh tế đầy thách thức không chỉ đối với nền kinh tế toàn cầu, kinh tế Việt Nam và ngành thép nói riêng trong đó có Thép Việt Đức. Tuy vậy, Ban Lãnh đạo có những giải pháp thiết thực. Công ty cũng đã sửa đổi, bổ sung và ban hành một số chính sách lương để phù hợp với tình hình kinh doanh từng thời điểm nhằm đảm bảo thu nhập của CBCNV toàn Công ty. Các khoản hỗ trợ như xăng xe, nhà ở, đi lại, điện thoại, thai sản...vẫn được duy trì. Các khoản hỗ trợ này là phần cộng thêm thu nhập hàng tháng, tạo động lực, giúp người lao động yên tâm làm việc



Chế độ Bảo hiểm và Chế độ khác

CBCNV sau khi hết thời hạn thử việc đều được tham gia đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định pháp luật, đảm bảo toàn thể CBCNV đều hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm. Công ty luôn áp dụng mức lương tối thiểu cho CBCNV theo quy định của luật lao động. Ngoài ra, Công ty mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV (bao gồm cả nhân viên thử việc).

Ngoài việc xây dựng và thực hiện các chính sách lương phù hợp với tình hình HĐSXKD, khen thưởng linh hoạt, các chế độ bảo hiểm theo quy định, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi khác như: tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV vào các dịp kỷ niệm, có nhà ăn tập thể phục vụ ăn hàng ngày cho CBCNV, cấp phát đồng phục, trang bị đồ BHLĐ đầy đủ đúng theo quy định pháp luật; xe đưa đón CBCNV, tổ chức, tặng quà nhân viên nữ nhân ngày mùng 8/3 và 20/10, tổ chức thăm hỏi CBCNV và người thân bị ốm đau, hiếu, hỷ.

Kết hợp cùng với Công đoàn cơ sở, Công ty còn quan tâm, chăm lo đến đời sống CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ xe đưa CBCNV về quê ăn Tết, tặng quà cho con của CBCNV hàng năm nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi



XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THÂN THIỆN ĐOÀN KẾT

Bên cạnh việc xây dựng chính sách lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, kích lệ thì môi trường làm việc cũng là một yếu tố quan trọng để người lao động gắn bó với doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng duy trì và xây dựng môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết bằng cách tổ chức các hoạt động phong trào để gắn kết CBCNV với nhau cũng như giữa CBCNV và Công ty. Trong năm 2022, Công đoàn cơ sở phối hợp với Công ty đã tổ chức những hoạt động văn nghệ, hội thao....





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đã được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Anh Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

A blue ink signature of Lê Công Thắng.

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		742.429.501.394	898.811.864.772
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	55.766.780.933	14.118.795.994
111	1. Tiền		55.766.780.933	14.118.795.994
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		340.180.949.818	466.872.337.738
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	297.606.449.619	418.393.103.795
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	20.548.310.244	18.854.775.107
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	43.270.461.841	47.694.466.167
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.244.271.886)	(18.070.007.331)
140	IV. Hàng tồn kho	9	346.380.199.199	414.904.263.638
141	1. Hàng tồn kho		346.380.199.199	414.904.263.638
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		101.571.444	2.916.467.402
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	101.571.444	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.916.467.402
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		625.004.156.733	587.758.337.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		125.929.762.521	133.644.402.664
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	108.967.143.986	116.333.396.529
222	- Nguyên giá		318.403.500.052	315.855.501.150
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(209.436.356.066)	(199.522.104.621)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	16.962.618.535	17.311.006.135
228	- Nguyên giá		22.365.266.201	22.365.266.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.402.647.666)	(5.054.260.066)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	335.306.408.988	291.471.553.287
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		335.306.408.988	291.471.553.287
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	146.590.000.000	146.590.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.990.685.224	15.865.081.777
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	16.990.685.224	15.865.081.777
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.367.433.658.127	1.486.570.202.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		684.517.841.763	842.052.716.556
310	I. Nợ ngắn hạn		682.056.282.977	716.081.227.770
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	295.140.761.321	323.155.537.393
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		418.361.325	1.069.280.446
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.424.590.593	5.405.825.834
314	4. Phải trả người lao động		14.314.774.400	10.598.526.450
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	155.000.000	950.031.633
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.639.242.274	1.517.114.775
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	568.324.688	665.216.338
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	350.900.000.000	357.339.627.683
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		14.495.228.376	15.380.067.218
330	II. Nợ dài hạn		2.461.558.786	125.971.488.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	2.461.558.786	118.671.488.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	7.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		682.915.816.364	644.517.485.944
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	682.915.816.364	644.517.485.944
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		484.279.210.000	421.115.890.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		484.279.210.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		37.438.754.991	35.305.514.412
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		89.402.582.666	116.300.812.825
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>		53.137.492.825	63.469.014.044
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		36.265.089.841	52.831.798.781
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.367.433.658.127	1.486.570.202.500

Nguyễn Văn Lộc
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.955.745.772.586	3.989.388.647.918
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.469.963.611	10.499.313.219
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.948.275.808.975	3.978.889.334.699
11	4. Giá vốn hàng bán	23	4.805.112.324.643	3.797.733.158.447
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		143.163.484.332	181.156.176.252
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	36.302.323	783.454.528
22	7. Chi phí tài chính	25	21.652.526.924	16.236.804.414
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		21.638.033.324	16.218.947.261
25	8. Chi phí bán hàng	26	40.986.908.069	61.516.836.219
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	27.574.963.453	30.985.084.284
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		52.985.388.209	73.200.905.863
31	11. Thu nhập khác	28	617.593.672	964.449.712
32	12. Chi phí khác	29	278.078.246	630.339.845
40	13. Lợi nhuận khác		339.515.426	334.109.867
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		53.324.903.635	73.535.015.730
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	10.660.092.057	14.833.017.085
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		42.664.811.578	58.701.998.645



Nguyễn Văn Lộc
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		53.324.903.635	73.535.015.730
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.586.846.545	12.705.131.924
03	- Các khoản dự phòng		3.174.264.555	3.190.699.541
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.779.534)	43.099
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(433.522.789)	(386.918.690)
06	- Chi phí lãi vay		21.638.033.324	16.218.947.261
07	- Các khoản điều chỉnh khác		251.768.232	119.414.685
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		89.539.513.968	105.382.333.550
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		125.872.098.147	153.743.148.206
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		68.524.064.439	(78.968.173.231)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(144.800.888.736)	79.829.496.235
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.227.174.891)	11.538.153.688
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.676.051.954)	(16.216.416.520)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.764.085.317)	(22.895.713.673)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.960.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.151.320.000)	(17.075.555.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		98.316.155.656	215.343.233.255
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.364.845.357)	(248.899.456.918)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		400.000.000	772.727.272
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.522.789	27.362.532
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(42.931.322.568)	(248.099.367.114)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.171.255.231.585	2.592.361.584.975
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.184.994.859.268)	(2.525.660.054.565)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(42.136.047.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.739.627.683)	24.565.482.660

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		41.645.205.405	(8.190.651.199)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.118.795.994	22.309.490.292
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.779.534	(43.099)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	55.766.780.933	14.118.795.994



Nguyễn Văn Lộc
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 484.279.210.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 484.279.210.000 đồng; tương đương 48.427.921 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 342 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết cấu, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong giai đoạn cuối năm 2022, thị trường tiêu thụ thép gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm trong khi chi phí đầu vào điều chỉnh không tương ứng dẫn đến tỷ lệ lãi gộp giai đoạn cuối năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, kết quả kinh doanh năm nay sụt giảm so với năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m2 đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết ngày 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	325.616.262	584.483.607
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.441.164.671	13.534.312.387
	<u><u>55.766.780.933</u></u>	<u><u>14.118.795.994</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	50.152.080.994	-	155.389.379.570	-
Công Ty TNHH Ty Vân	41.089.193.653	-	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	51.924.677.427	-	9.422.945.444	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	-	-	42.712.017.846	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	29.427.291.836	-	106.356.504.295	-
Phải thu khách hàng khác	125.013.205.709	(21.244.271.886)	104.512.256.640	(18.070.007.331)
	297.606.449.619	(21.244.271.886)	418.393.103.795	(18.070.007.331)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Thương mại và Sản xuất Minh Khánh	3.167.814.380	-	4.848.000.000	-
Công ty TNHH BFS Xây Dựng Và Thương Mại	3.800.000.000	-	-	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	6.891.513.354	-	6.891.513.354	-
Công ty Cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	2.502.500.000	-	2.502.500.000	-
Trả trước cho người bán khác	4.186.482.510	-	4.612.761.753	-
	20.548.310.244	-	18.854.775.107	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	90.600.000	-	239.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	5.760.000.000	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	41.476.104.535	-	41.476.104.535	-
Chi hộ	1.703.757.306	-	-	-
Phải thu khác	-	-	219.261.632	-
	43.270.461.841	-	47.694.466.167	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	1.703.757.306	-	-	-
	1.703.757.306	-	-	-
Bên khác				
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*)	41.280.858.535	-	41.280.858.535	-
UBND Xã Đạo Đức (*)	195.246.000	-	195.246.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	5.760.000.000	-
Đối tượng khác	90.600.000	-	458.361.632	-
	41.566.704.535	-	47.694.466.167	-
	43.270.461.841	-	47.694.466.167	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên khác				
UBND Xã Đạo Đức	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	3.545.354.264	11.817.847.549	5.908.923.774
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	-	3.705.650.153	810.695.045
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	3.545.354.264	24.789.626.150	6.719.618.819

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	14.526.561.487	-	51.880.694.176	-
Nguyên liệu, vật liệu	71.927.638.777	-	111.105.414.089	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.568.445.596	-	7.197.313.123	-
Thành phẩm	251.356.567.702	-	244.720.842.250	-
Hàng hoá	985.637	-	-	-
	346.380.199.199	-	414.904.263.638	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	335.306.408.988	291.471.553.287
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City	326.731.863.534	282.897.007.833
	335.306.408.988	291.471.553.287

Thông tin chi tiết về các dự án:**(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Số dư cuối kỳ	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.984.435.066	69.825.000	5.054.260.066
- Khấu hao trong kỳ	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối kỳ	5.332.822.666	69.825.000	5.402.647.666
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	17.311.006.135	-	17.311.006.135
Tại ngày cuối kỳ	16.962.618.535	-	16.962.618.535

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.400.099.480 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	101.571.444	-
	101.571.444	-
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.176.294.781	5.352.759.377
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.800.000.000	5.040.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.930.046.279	1.652.709.280
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520.148.586	2.379.107.985
Chi phí quảng cáo	97.760.452	960.181.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	466.435.126	480.324.081
	16.990.685.224	15.865.081.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THẾP VIỆT - ĐỨC VIG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu kỳ	169.193.407.415	117.553.330.384	27.510.188.633	1.598.574.718	315.855.501.150					
- Mua trong kỳ	-	-	1.415.516.364	-	1.415.516.364					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.977.186.438	479.503.600	-	-	2.456.690.038					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)					
Số dư cuối kỳ	171.170.593.853	118.032.833.984	27.601.497.497	1.598.574.718	318.403.500.052					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu kỳ	62.670.840.270	111.103.217.485	24.149.472.148	1.598.574.718	199.522.104.621					
- Khấu hao trong kỳ	7.603.908.589	2.348.566.202	1.285.984.154	-	11.238.458.945					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)					
Số dư cuối kỳ	70.274.748.859	113.451.783.687	24.111.248.802	1.598.574.718	209.436.356.066					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu kỳ	106.522.567.145	6.450.112.899	3.360.716.485	-	116.333.396.529					
Tại ngày cuối kỳ	100.895.844.994	4.581.050.297	3.490.248.695	-	108.967.143.986					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 51.966.278.766 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 141.030.668.730 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	129.855.866.885	129.855.866.885	88.926.189.105	88.926.189.105
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	84.646.131.123	84.646.131.123	53.598.164.037	53.598.164.037
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghị Sơn	43.214.793.600	43.214.793.600	-	-
Posco Daewoo Corporation	-	-	34.541.717.363	34.541.717.363
Công ty CP Luyện Thép cao cấp Việt Nhật	-	-	32.072.515.200	32.072.515.200
Phải trả nhà cung cấp khác	37.423.969.713	37.423.969.713	114.016.951.688	114.016.951.688
	295.140.761.321	295.140.761.321	323.155.537.393	323.155.537.393

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	38.018.630
- Trích trước tiền điện	-	253.013.003
- Chi phí phải trả khác	155.000.000	659.000.000
	155.000.000	950.031.633

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	144.659.400	285.878.050
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.218.788	229.218.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.446.500	150.119.500
	568.324.688	665.216.338
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.461.558.786	118.671.488.786
	2.461.558.786	118.671.488.786
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
	-	116.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THIỆP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đào Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	45.951.049,915	45.206.103,228	-	744.946,687	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	80.344,809	80.344,809	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	-	131.068,232	131.068,232	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.213.602,400	5.213.602,400	10.660.092,057	12.513.602,400	-	3.360.092,057	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu qua thanh tra	-	119.414,685	119.414,685	120.700,000	119.414,685	-	120.700,000	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	72.808,749	72.808,749	540.090,075	451.403,625	-	161.495,199	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	154.093,024	154.093,024	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	4.000,000	4.000,000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	37.356,650	-	-	37.356,650	-	-	-	-	37.356,650
	-	5.405.825,834	5.405.825,834	57.678.794,762	58.660.030,003	-	4.424.590,593	-	-	-	-	4.424.590,593

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VIG PIPE**Báo cáo tài chính riêng**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	349.339.627.683	349.339.627.683	3.171.255.231.585	3.176.994.859.268	343.600.000.000	343.600.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	254.800.000.000	254.800.000.000	2.591.902.065.596	2.550.602.065.596	296.100.000.000	296.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	70.939.627.683	70.939.627.683	429.250.981.589	452.690.609.272	47.500.000.000	47.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	23.600.000.000	23.600.000.000	150.102.184.400	173.702.184.400	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	357.339.627.683	357.339.627.683	3.178.555.231.585	3.184.994.859.268	350.900.000.000	350.900.000.000
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	15.300.000.000	15.300.000.000	-	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
	15.300.000.000	15.300.000.000	-	8.000.000.000	7.300.000.000	7.300.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000.000)	(8.000.000.000)	(7.300.000.000)	(8.000.000.000)	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.300.000.000	7.300.000.000	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THIỆP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đào Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2022	Hình thức đảm bảo (*)
I	Vay ngắn hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					296.100.000.000	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1509578/HĐTD ngày 30 tháng 06 năm 2022	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng đến hết ngày 30/06/2023	Được xác định theo Hợp đồng tín dụng cụ thể	296.100.000.000	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					47.500.000.000	
2.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 22.41.2811/2022-HĐCVHM/NHCT262- ONG THEP VIET DUC ngày 30 tháng 11 năm 2022	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/11/2023	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	47.500.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
II	Vay dài hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên						
1.1	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HĐTD ngày 27/09/2019	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	7.300.000.000	Tài sản đảm bảo là Trong đó, nợ phải trả các tài sản gắn liền trong 12 tháng tới là 7.300.000.000 VND.

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Báo cáo tài chính riêng**

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	421.115.890.000	69.835.386.699	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	105.580.603.044	633.797.276.163					
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	58.701.998.645	58.701.998.645					
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(42.111.589.000)	(42.111.589.000)					
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(5.870.199.864)	(5.870.199.864)					
Số dư cuối kỳ trước	421.115.890.000	69.835.386.699	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	116.300.812.825	644.517.485.944					
Số dư đầu kỳ này	421.115.890.000	69.835.386.699	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	116.300.812.825	644.517.485.944					
Tăng vốn trong kỳ này (*)	63.163.320.000	-	-	-	-	(63.163.320.000)	-					
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	42.664.811.578	42.664.811.578					
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	-	2.133.240.579	-	(6.399.721.737)	(4.266.481.158)					
Số dư cuối kỳ này	484.279.210.000	69.835.386.699	69.835.386.699	37.438.754.991	1.959.882.008	89.402.582.666	682.915.816.364					

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-DHĐCD-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2022, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 6.316.738 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 63.167.380.000 VND, nguồn chi trả có tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2021. Ngày 22/07/2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 5015/UBCK-QLCB ngày 01/08/2022. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả có tức là 6.316.332 cổ phiếu.

(**) Căn cứ theo điều lệ công ty, Công ty tạm trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 5% và 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Minh Hải	32,06%	155.250.000.000	32,06%	135.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	52.037.490.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	27.125.280.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	39.905.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	24.955.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	38,20%	185.006.440.000	38,20%	160.880.690.000
	100%	484.279.210.000	100%	421.115.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	484.279.210.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	421.115.890.000	421.115.890.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	63.163.320.000	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	484.279.210.000	421.115.890.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	229.218.788	253.677.538
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	63.163.320.000	42.111.589.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	63.163.320.000	42.111.589.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	-	(42.136.047.750)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	(42.136.047.750)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu</i>	(63.163.320.000)	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	(63.163.320.000)	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	229.218.788	229.218.788

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.427.921	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.427.921	42.111.589
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.427.921	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	37.438.754.991	35.305.514.412
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	39.398.636.999	37.265.396.420

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.007,64	2.474,64

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.618.320.351.302	2.071.338.383.445
Doanh thu bán thành phẩm	2.325.709.983.873	1.905.785.820.446
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.715.437.411	12.264.444.027

<u>4.955.745.772.586</u>	<u>3.989.388.647.918</u>
---------------------------------	---------------------------------

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

<u>-</u>	<u>8.573.044.712</u>
----------	-----------------------------

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.466.710.702	8.711.176.512
Hàng bán bị trả lại	1.003.252.909	1.786.108.226
Giảm giá hàng bán	-	2.028.481

<u>7.469.963.611</u>	<u>10.499.313.219</u>
-----------------------------	------------------------------

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.585.237.057.050	2.054.479.989.782
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.207.595.600.664	1.729.269.588.320
Giá vốn của dịch vụ đã bán	12.279.666.929	13.983.580.345

<u>4.805.112.324.643</u>	<u>3.797.733.158.447</u>
---------------------------------	---------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	33.522.789	27.362.532
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	756.091.996
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.779.534	-
	36.302.323	783.454.528

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.638.033.324	16.218.947.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.493.600	17.814.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	43.099
	21.652.526.924	16.236.804.414

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	715.501.274	2.579.466.291
Chi phí nhân công	13.055.805.620	11.003.067.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	912.646.936	1.052.430.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.128.369.645	46.000.798.653
Chi phí khác bằng tiền	1.174.584.594	881.072.827
	40.986.908.069	61.516.836.219
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	86.172.272

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.182.833	2.372.973.991
Chi phí nhân công	16.148.134.550	16.452.440.924
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.029.955.423	2.260.741.096
Thuế, phí, lệ phí	898.338.111	879.089.148
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.538.931.048	3.034.225.246
Chi phí khác bằng tiền	1.900.156.933	2.794.914.338
	27.574.963.453	30.985.084.284

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	400.000.000	359.556.158
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	206.364.188	591.829.956
Thu nhập khác	11.229.484	13.063.598
	617.593.672	964.449.712

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	-	294.128.331
Tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	120.000.000	156.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	158.056.650	179.941.364
Chi phí khác	21.596	270.150
	278.078.246	630.339.845

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.324.903.635	73.535.015.730
Các khoản điều chỉnh tăng	278.056.650	630.069.695
- Chi phí không hợp lệ	278.056.650	630.069.695
Các khoản điều chỉnh giảm	(302.500.000)	-
- Chi phí thuế bảng quảng cáo năm 2022 hạch toán chi phí năm 2021 theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước Khu vực I	(302.500.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	53.300.460.285	74.165.085.425
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	10.660.092.057	14.833.017.085
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	120.700.000	119.414.685
Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu nước ngoài	131.068.232	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	5.333.017.085	13.276.298.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(12.764.085.317)	(22.895.713.673)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.480.792.057	5.333.017.085

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.172.812.869.801	1.754.220.590.578
Chi phí nhân công	61.311.482.727	52.542.664.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.586.846.545	12.411.003.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.132.926.490	103.633.735.560
Chi phí khác bằng tiền	4.425.606.922	10.773.238.043
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
	<u>2.296.443.997.040</u>	<u>1.936.771.931.539</u>

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	55.766.780.933	-	-	55.766.780.933
Phải thu khách hàng, phải thu khác	319.632.639.574	187.300.000	-	319.819.939.574
	375.399.420.507	187.300.000	-	375.586.720.507
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	14.118.795.994	-	-	14.118.795.994
Phải thu khách hàng, phải thu khác	448.017.562.631	187.300.000	-	448.204.862.631
	462.136.358.625	187.300.000	-	462.323.658.625

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	350.900.000.000	-	-	350.900.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	295.709.086.009	2.461.558.786	-	298.170.644.795
Chi phí phải trả	155.000.000	-	-	155.000.000
	646.764.086.009	2.461.558.786	-	649.225.644.795
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	357.339.627.683	7.300.000.000	-	364.639.627.683
Phải trả người bán, phải trả khác	323.820.753.731	118.671.488.786	-	442.492.242.517
Chi phí phải trả	950.031.633	-	-	950.031.633
	682.110.413.047	125.971.488.786	-	808.081.901.833

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 05 tháng 02 năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức (là công ty liên kết của Công ty) tổ chức chức họp Đại hội cổ đông và ra nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức sẽ thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt từ năm 2017-2022 theo tỷ lệ 70%, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 20/02/2023. Thời gian dự kiến chi trả trong tháng 03 năm 2023.

Căn cứ theo danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cổ tức bằng tiền Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE dự kiến sẽ được hưởng là 60.875.640.000 VND (Sáu mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tương ứng với số lượng cổ phiếu sở hữu là 8.696.520 cổ phiếu (giá trị tương ứng mệnh giá là 86.965.200.000 VND).

Ngoài sự kiện đã được công bố trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	8.573.044.712
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	8.573.044.712
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	86.172.272
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	86.172.272
Nhận ký quỹ, ký cược	-	116.200.000.000
Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
Hoàn trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-
Chi trả hộ tiền điện	50.552.737.601	46.996.071.688
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	50.552.737.601	46.996.071.688
Thu lại tiền điện chi trả hộ	48.848.980.295	46.996.071.688
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	48.848.980.295	46.996.071.688

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	495.700.000	448.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	447.600.000	400.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	445.600.000	400.000.000
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)	12.000.000	-
Ông Lê Quý Minh	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Văn Lộc
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Anh Chung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 16/04/2022
Ông Lê Quý Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/04/2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 25 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

A blue ink signature of Lê Công Thắng, consisting of a stylized 'L' followed by 'haceeeef' and a long horizontal stroke.

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.499.102.461.787	1.486.204.543.938
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	192.342.015.850	55.640.847.460
111	1. Tiền		127.342.015.850	55.640.847.460
112	2. Các khoản tương đương tiền		65.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		873.492.573.107	801.230.309.537
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	825.506.262.831	746.020.611.755
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	23.613.310.244	18.882.275.107
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	45.617.271.918	54.397.430.006
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(21.244.271.886)	(18.070.007.331)
140	IV. Hàng tồn kho	9	433.166.301.386	621.519.020.895
141	1. Hàng tồn kho		433.166.301.386	621.519.020.895
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		101.571.444	7.814.366.046
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	101.571.444	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	7.812.912.084
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	1.453.962
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		665.802.033.418	594.099.046.674
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		140.513.666.137	147.143.747.737
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	123.551.047.602	129.832.741.602
222	- Nguyên giá		495.433.622.916	488.591.824.014
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(371.882.575.314)	(358.759.082.412)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.962.618.535	17.311.006.135
228	- Nguyên giá		22.398.866.201	22.398.866.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(5.436.247.666)	(5.087.860.066)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		335.306.408.988	291.471.553.287
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	335.306.408.988	291.471.553.287
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	172.803.973.069	139.431.363.873
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		172.803.973.069	139.431.363.873
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.990.685.224	15.865.081.777
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.990.685.224	15.865.081.777
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.164.904.495.205	2.080.303.590.612

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.238.306.667.595	1.247.155.453.662
310	I. Nợ ngắn hạn		1.235.845.108.809	1.121.183.964.876
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	530.411.746.476	547.167.248.611
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		418.361.325	1.069.280.446
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	9.749.922.644	11.339.824.634
314	4. Phải trả người lao động		17.899.771.250	13.774.787.185
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	155.000.000	1.886.180.597
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.639.242.274	1.517.114.775
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	637.994.472	992.916.814
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	644.785.974.963	510.719.627.683
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.147.095.405	32.716.984.131
330	II. Nợ dài hạn		2.461.558.786	125.971.488.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	2.461.558.786	118.671.488.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	-	7.300.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		926.597.827.610	833.148.136.950
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	926.597.827.610	833.148.136.950
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		484.279.210.000	421.115.890.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		484.279.210.000	421.115.890.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		49.567.993.047	46.231.130.144
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.582.581.167	10.378.958.843
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		311.196.739.174	285.464.402.959
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối kỳ trước		222.301.082.960	172.400.861.355
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		88.895.656.214	113.063.541.604
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		135.917.523	122.368.305
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.164.904.495.205	2.080.303.590.612

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	8.490.902.301.042	6.694.120.793.415
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	7.664.852.801	10.533.709.113
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.483.237.448.241	6.683.587.084.302
11	4. Giá vốn hàng bán	23	8.289.646.666.218	6.420.456.990.308
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		193.590.782.023	263.130.093.994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.052.371.596	809.126.793
22	7. Chi phí tài chính	25	35.870.345.385	26.055.505.390
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.855.827.047	26.037.600.012
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		33.372.609.196	20.192.855.596
25	9. Chi phí bán hàng	26	46.075.184.126	68.979.062.079
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	29.574.336.737	32.654.665.201
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		116.495.896.567	156.442.843.713
31	12. Thu nhập khác	28	623.497.968	982.522.044
32	13. Chi phí khác	29	278.101.714	1.005.585.209
40	14. Lợi nhuận khác		345.396.254	(23.063.165)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		116.841.292.821	156.419.780.548
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	16.716.370.887	27.445.017.329
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		100.124.921.934	128.974.763.219
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		100.109.867.246	128.943.463.276
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		15.054.688	31.299.943
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.929	2.438



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		116.841.292.821	156.419.780.548
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.796.088.002	16.071.533.737
03	- Các khoản dự phòng		3.174.264.555	3.190.699.541
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.754.796)	91.324
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(34.772.212.536)	(20.591.806.773)
06	- Chi phí lãi vay		35.855.827.047	26.037.600.012
07	- Các khoản điều chỉnh khác		251.768.232	348.275.375
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		136.144.273.325	181.476.173.764
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(67.979.819.083)	57.439.475.598
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		188.352.719.509	(157.869.445.437)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(130.663.005.119)	189.569.718.923
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.227.174.891)	12.484.217.667
14	- Tiền lãi vay đã trả		(35.893.845.677)	(26.035.069.271)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(23.093.084.117)	(32.627.081.686)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.960.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.245.120.000)	(18.628.355.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		56.394.943.947	205.815.594.558
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(47.658.645.357)	(251.339.456.918)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		400.000.000	772.727.272
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		795.767.724	39.395.019
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(46.462.877.633)	(250.527.334.627)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.747.503.755.841	4.830.958.871.109
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(5.620.737.408.561)	(4.712.460.054.566)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(42.136.047.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		126.766.347.280	76.362.768.793

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		136.698.413.594	31.651.028.724
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		55.640.847.460	23.989.910.060
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.754.796	(91.324)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	192.342.015.850	55.640.847.460



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 10/08/2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 484.279.210.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 484.279.210.000 đồng; tương đương 48.427.921 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 342 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 86 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bạc, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nh

Trong giai đoạn cuối năm 2022, thị trường tiêu thụ thép gặp nhiều khó khăn, giá bán giảm trong khi chi phí đầu vào điều chỉnh không tương ứng dẫn đến tỷ lệ lãi gộp giai đoạn cuối năm giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, kết quả kinh doanh năm nay sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m2 đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m2 tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần với giá trị lớn. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, tối đa không quá 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.25 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty mẹ và công ty con chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	365.697.129	614.203.068
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	126.976.318.721	55.026.644.392
Các khoản tương đương tiền (*)	65.000.000.000	-
	<u>192.342.015.850</u>	<u>55.640.847.460</u>

(*): Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 65.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên với lãi suất 6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên liên kết

	31/12/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	172.803.973.069	28,60%	28,60%	139.431.363.873
			<u>172.803.973.069</u>			<u>139.431.363.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	50.152.080.994	-	155.389.379.570	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	339.882.875.978	-	289.408.642.774	-
Công ty Phúc Tiến (TNHH)	-	-	42.712.017.846	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	129.772.058.270	-	104.027.197.383	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	84.593.321.576	-	34.581.413.350	-
Công Ty TNHH Ty Vân	41.089.193.653	-	-	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	51.924.677.427	-	9.422.945.444	-
Phải thu khách hàng khác	128.092.054.933	(21.244.271.886)	110.479.015.388	(18.070.007.331)
	825.506.262.831	(21.244.271.886)	746.020.611.755	(18.070.007.331)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây Dựng Thương Mại và Sản Xuất Minh Khánh	3.167.814.380	-	4.848.000.000	-
Công ty TNHH BFS Xây Dựng Và Thương Mại	6.500.000.000	-	-	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	6.891.513.354	-	6.891.513.354	-
Công ty cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt	2.502.500.000	-	2.502.500.000	-
Đối tượng khác	4.551.482.510	-	4.640.261.753	-
	23.613.310.244	-	18.882.275.107	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	203.835.616	-	-	-
Tạm ứng	90.600.000	-	239.100.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.817.000.000	-	12.362.000.000	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	41.476.104.535	-	41.476.104.535	-
Phải thu khác	29.731.767	-	320.225.471	-
	45.617.271.918	-	54.397.430.006	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	4.020.835.616	-	12.362.000.000	-
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*)	41.280.858.535	-	41.280.858.535	-
UBND Xã Đạo Đức (*)	195.246.000	-	195.246.000	-
Đối tượng khác	120.331.767	-	559.325.471	-
	45.617.271.918	-	54.397.430.006	-
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
UBND Xã Đạo Đức	187.300.000	-	187.300.000	-
	187.300.000	-	187.300.000	-

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City giai đoạn I (23,6ha) sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	3.545.354.264	11.817.847.549	5.908.923.774
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	-	3.705.650.153	810.695.045
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	3.545.354.264	24.789.626.150	6.719.618.819

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	14.526.561.487	-	51.880.694.176	-
Nguyên liệu, vật liệu	144.922.057.259	-	220.930.066.445	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.409.949.375	-	7.781.095.036	-
Thành phẩm	255.306.747.628	-	340.927.165.238	-
Hàng hoá	985.637	-	-	-
	433.166.301.386	-	621.519.020.895	-

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	335.306.408.988	291.471.553.287
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City ⁽²⁾	326.731.863.534	282.897.007.833
	335.306.408.988	291.471.553.287

Thông tin chi tiết về các dự án:**(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 tại khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THẾP VIỆT - ĐỨC VIG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	201.204.389.774	249.859.538.793	35.929.320.729	1.598.574.718	488.591.824.014
- Mua trong kỳ	-	-	5.709.316.364	-	5.709.316.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.977.186.438	479.503.600	-	-	2.456.690.038
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)
- Phân loại lại	-	(2.440.000.000)	2.440.000.000	-	-
Số dư cuối kỳ	203.181.576.212	247.899.042.393	42.754.429.593	1.598.574.718	495.433.622.916
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	87.284.043.539	240.962.698.621	28.913.765.534	1.598.574.718	358.759.082.412
- Khấu hao trong kỳ	9.245.413.962	2.348.566.202	2.853.720.238	-	14.447.700.402
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.324.207.500)	-	(1.324.207.500)
Số dư cuối kỳ	96.529.457.501	243.311.264.823	30.443.278.272	1.598.574.718	371.882.575.314
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	113.920.346.235	8.996.840.172	7.015.555.195	-	129.832.741.602
Tại ngày cuối kỳ	106.652.118.711	4.587.777.570	12.311.151.321	-	123.551.047.602

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 51.966.278.766 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 267.777.354.412 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Số dư cuối kỳ	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	4.984.435.066	103.425.000	5.087.860.066
- Khấu hao trong kỳ	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối kỳ	5.332.822.666	103.425.000	5.436.247.666
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	17.311.006.135	-	17.311.006.135
Tại ngày cuối kỳ	16.962.618.535	-	16.962.618.535

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.400.099.480 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 105.825.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	101.571.444	-
	101.571.444	-
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	5.176.294.781	5.352.759.377
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	1.800.000.000	5.040.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.930.046.279	1.652.709.280
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	520.148.586	2.379.107.985
Chi phí quảng cáo	97.760.452	960.181.054
Chi phí trả trước dài hạn khác	466.435.126	480.324.081
	16.990.685.224	15.865.081.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo đối tượng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	84.646.131.123	84.646.131.123	53.598.164.037	53.598.164.037
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	129.855.866.885	129.855.866.885	90.421.059.389	90.421.059.389
Công ty TNHH Thép Nam Châu	28.968.304.475	28.968.304.475	105.944.663.231	105.944.663.231
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghị Sơn	85.706.464.800	85.706.464.800	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Khánh Dư	57.207.510.250	57.207.510.250	31.992.059.550	31.992.059.550
Posco Daewoo Corporation	-	-	34.541.717.363	34.541.717.363
Công ty CP Luyện Thép Cao Cấp Việt Nhật	-	-	32.072.515.200	32.072.515.200
Phải trả các đối tượng khác	144.027.468.943	144.027.468.943	198.597.069.841	198.597.069.841
	530.411.746.476	530.411.746.476	547.167.248.611	547.167.248.611

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THIỆP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đào Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	76.350.913.519	-	71.945.905.234	-	4.405.008.285					
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	146.512.359	-	146.512.359	-	-					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	131.068.232	-	131.068.232	-	-					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	11.147.601.200	16.716.370.887	-	22.842.601.200	-	5.142.070.887					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu qua thanh tra	-	119.414.685	120.700.000	-	119.414.685	-	-					
Thuế Thu nhập cá nhân	1.453.962	72.808.749	624.311.532	-	530.179.497	-	165.486.822					
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	266.093.024	-	266.093.024	-	-					
Các loại thuế khác	-	-	13.000.000	-	13.000.000	-	-					
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	37.356.650	-	-	-	37.356.650					
	1.453.962	11.339,824,634	94,406,326,203	94,406,326,203	95,994,774,231	-	9,749,922,644					

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	38.018.630
- Trích trước tiền điện	-	1.189.161.967
- Chi phí phải trả khác	155.000.000	659.000.000
	155.000.000	1.886.180.597

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	175.151.200	574.805.542
- Bảo hiểm bắt buộc	-	48.119.500
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	256.718.788	256.718.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	206.124.484	113.272.984
	637.994.472	992.916.814
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.461.558.786	118.671.488.786
	2.461.558.786	118.671.488.786
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
- Ông Nguyễn Hữu Thê	13.500.000	13.500.000
- Bà Nguyễn Thị Nhi	13.500.000	70.213.500.000
	27.000.000	116.227.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THIỆP VIỆT - ĐỨC VIG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng	502.719.627,683	502.719.627,683	5.747.503.755,841	5.612.737.408,561	637.485.974,963	637.485.974,963
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	337.600.000,000	337.600.000,000	4.662.388.040,559	4.536.102.065,596	463.885.974,963	463.885.974,963
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	141.519.627,683	141.519.627,683	768.013.530,882	781.933.158,565	127.600.000,000	127.600.000,000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	23.600.000,000	23.600.000,000	150.102.184,400	173.702.184,400	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	-	-	167.000.000,000	121.000.000,000	46.000.000,000	46.000.000,000
Vay ngắn hạn hạn đến hạn trả	8.000.000,000	8.000.000,000	7.300.000,000	8.000.000,000	7.300.000,000	7.300.000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	8.000.000,000	8.000.000,000	7.300.000,000	8.000.000,000	7.300.000,000	7.300.000,000
	510.719.627,683	510.719.627,683	5.754.803.755,841	5.620.737.408,561	644.785.974,963	644.785.974,963
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	15.300.000,000	15.300.000,000	-	8.000.000,000	7.300.000,000	7.300.000,000
	15.300.000,000	15.300.000,000	-	8.000.000,000	7.300.000,000	7.300.000,000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.000.000,000)	(8.000.000,000)	(7.300.000,000)	(8.000.000,000)	(7.300.000,000)	(7.300.000,000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	7.300.000,000	7.300.000,000			-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022:

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2022	Hình thức bảo đảm (*)
I	Vay ngắn hạn					637.485.974.963	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					463.885.974.963	
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1509578/HDTD ngày 30 tháng 06 năm 2022	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng đến hết ngày 30/06/2023	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	296.100.000.000	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
1.2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1853346/HDTD ngày 30/06/2022	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	167.785.974.963	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên					127.600.000.000	
2.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 22.41.2811/2022-HDCVHM/NHCT262-ONG THEP VIET DUC ngày 30 tháng 11 năm 2022	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 30/11/2022 đến ngày 30/11/2023	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	47.500.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
2.2	Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.93.0001/2022-HDCVHM/NHCT262-THEP VIET DUC ngày 07/07/2022	230.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	80.100.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					46.000.000.000	
3.1	Hợp đồng cấp tín dụng số 22PY/DN-ĐB/HDK156 ngày 31/03/2022	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	46.000.000.000	Tài sản đảm bảo
II	Vay dài hạn					7.300.000.000	
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên					7.300.000.000	
1	Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2019/1509578/HDTD ngày 27/09/2019	42.000.000.000	Đầu tư toà nhà văn phòng và trung tâm thương mại phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	7.300.000.000	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
						Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 7.300.000.000 VND.	

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bao lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Công Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000		69.835.386.699		43.728.699.692		7.876.528.392		214.512.450.354		94.198.356		757.163.153.493	
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-		-		-		-		128.943.463.276		31.299.943		128.974.763.219	
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-		-		-		-		(47.981.788.864)		-		(47.981.788.864)	
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-		-		2.502.430.452		2.502.430.452		(10.009.721.808)		(3.129.994)		(5.007.990.898)	
Tặng/Giam khác	-		-		-		(1)		1		-		-	
Số dư cuối kỳ trước	421.115.890.000		69.835.386.699		46.231.130.144		10.378.958.843		285.464.402.959		122.368.305		833.148.136.950	
Số dư đầu kỳ này	421.115.890.000		69.835.386.699		46.231.130.144		10.378.958.843		285.464.402.959		122.368.305		833.148.136.950	
Tăng vốn trong kỳ này (*)	63.163.320.000		-		-		-		(63.163.320.000)		-		-	
Lãi/lỗ trong kỳ này	-		-		-		-		100.109.867.246		15.054.688		100.124.921.934	
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (**)	-		-		2.133.240.579		-		(6.399.721.737)		-		(4.266.481.158)	
Phân phối lợi nhuận tại công ty con (***)	-		-		1.203.622.324		1.203.622.324		(4.814.489.295)		(1.505.469)		(2.408.750.116)	
Tặng/giam khác	-		-		-		-		1		(1)		-	
Số dư cuối kỳ này	484.279.210.000		69.835.386.699		49.567.993.047		11.582.581.167		311.196.739.174		135.917.523		926.597.827.610	

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 16 tháng 04 năm 2022, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 6.316.738 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 63.167.380.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2021. Ngày 22/07/2022, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhân được kết quả phát hành cổ phiếu đã trả cổ tức tại công văn số 5015/UBCK-QI.CB ngày 01/08/2022. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 6.316.332 cổ phiếu.

(**) Căn cứ theo điều lệ, Công ty mẹ tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 5% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

(***) Căn cứ theo điều lệ, Công ty con trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ lần lượt là 5%, 5% và 10% lợi nhuận sau thuế năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÖNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Lê Minh Hải	32,06%	155.250.000.000	32,06%	135.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75%	52.037.490.000	10,75%	45.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,60%	27.125.280.000	5,60%	23.585.200.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24%	39.905.000.000	8,24%	34.700.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15%	24.955.000.000	5,15%	21.700.000.000
Các cổ đông khác	38,20%	185.006.440.000	38,20%	160.880.690.000
	100%	484.279.210.000	100%	421.115.890.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	484.279.210.000	421.115.890.000
- Vốn góp đầu kỳ	421.115.890.000	421.115.890.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	63.163.320.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	484.279.210.000	421.115.890.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	256.718.788	281.177.538
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	63.163.320.000	42.111.589.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	63.163.320.000	42.111.589.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	(42.136.047.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(42.136.047.750)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(63.163.320.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(63.163.320.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	256.718.788	256.718.788

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.427.921	42.111.589
- Cổ phiếu phổ thông	48.427.921	42.111.589
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.427.921	42.111.589
- Cổ phiếu phổ thông	48.427.921	42.111.589
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	49.567.993.047	46.231.130.144
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.582.581.167	10.378.958.843
	61.150.574.214	56.610.088.987

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.081,88	2.562,08

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	4.320.859.511.502	3.259.831.209.355
Doanh thu bán thành phẩm	4.158.327.352.129	3.422.025.140.033
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.715.437.411	12.264.444.027
	<u>8.490.902.301.042</u>	<u>6.694.120.793.415</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u>-</u>	<u>8.573.044.712</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.621.691.157	8.711.176.512
Hàng bán bị trả lại	1.003.252.909	1.786.108.226
Giảm giá hàng bán	39.908.735	36.424.375
	<u>7.664.852.801</u>	<u>10.533.709.113</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.254.410.026.188	3.225.308.575.988
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.022.956.973.101	3.181.164.833.975
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.279.666.929	13.983.580.345
	<u>8.289.646.666.218</u>	<u>6.420.456.990.308</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÖNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	999.603.340	39.395.019
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	49.895.524	13.639.778
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	93.198	756.091.996
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.779.534	-
	1.052.371.596	809.126.793

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.855.827.047	26.037.600.012
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.493.600	17.814.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	24.738	91.324
	35.870.345.385	26.055.505.390

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	715.501.274	2.579.466.291
Chi phí nhân công	15.555.380.467	13.027.469.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.334.720.659	1.178.930.658
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.178.442.711	51.235.106.272
Chi phí khác bằng tiền	1.291.139.015	958.089.491
	46.075.184.126	68.979.062.079
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	-	86.172.272

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	885.502.833	2.373.473.991
Chi phí nhân công	17.110.445.202	17.267.274.105
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.436.910.924	2.425.422.940
Thuế, phí, lệ phí	1.294.068.686	1.288.015.318
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.727.547.264	3.213.977.968
Chi phí khác bằng tiền	1.945.597.273	2.895.801.338
	29.574.336.737	32.654.665.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	400.000.000	359.556.158
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	206.364.188	603.099.047
Thu nhập khác	17.133.780	19.866.839
	623.497.968	982.522.044

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao của ô tô có nguyên giá vượt 1,6 tỷ đồng	-	294.128.331
Tiền thù lao HDQT, BKS	120.000.000	156.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	158.056.650	548.033.364
Chi phí khác	45.064	7.423.514
	278.101.714	1.005.585.209

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	10.660.092.057	14.833.017.085
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Thép Việt Đức	6.056.278.830	12.612.000.244
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.716.370.887	27.445.017.329
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	120.700.000	348.275.375
Thuế TNDN nộp hộ thầu nhà thầu nước ngoài	131.068.232	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	11.267.015.885	16.100.804.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(23.093.084.117)	(32.627.081.686)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	5.142.070.887	11.267.015.885

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	100.109.867.246	128.943.463.276
Các khoản điều chỉnh	(6.673.725.805)	(10.875.060.768)
- <i>Quy chế khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(6.673.725.805)	(10.875.060.768)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	93.436.141.441	118.068.402.508
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	48.427.921	48.427.921
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.929	2.438

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.867.074.237.285	3.238.517.617.559
Chi phí nhân công	77.177.043.400	66.457.032.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.796.088.002	15.777.405.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.513.620.326	155.443.193.379
Chi phí khác bằng tiền	5.159.344.054	11.428.022.423
Chi phí dự phòng	3.174.264.555	3.190.699.541
	<u>4.035.894.597.622</u>	<u>3.490.813.970.671</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.342.015.850	-	-	192.342.015.850
Phải thu khách hàng, phải thu khác	849.879.262.863	187.300.000	-	850.066.562.863
	<u>1.042.221.278.713</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>1.042.408.578.713</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền.	55.640.847.460	-	-	55.640.847.460
Phải thu khách hàng, phải thu khác	782.348.034.430	187.300.000	-	782.535.334.430
	<u>837.988.881.890</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>838.176.181.890</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	644.785.974.963	-	-	644.785.974.963
Phải trả người bán, phải trả khác	531.049.740.948	2.461.558.786	-	533.511.299.734
Chi phí phải trả	155.000.000	-	-	155.000.000
	<u>1.175.990.715.911</u>	<u>2.461.558.786</u>	<u>-</u>	<u>1.178.452.274.697</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	510.719.627.683	7.300.000.000	-	518.019.627.683
Phải trả người bán, phải trả khác	548.160.165.425	118.671.488.786	-	666.831.654.211
Chi phí phải trả	1.886.180.597	-	-	1.886.180.597
	<u>1.060.765.973.705</u>	<u>125.971.488.786</u>	<u>-</u>	<u>1.186.737.462.491</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 05 tháng 02 năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức (là công ty liên kết của Công ty) tổ chức họp Đại hội cổ đông và ra nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức sẽ thực hiện chia cổ tức bằng tiền mặt từ năm 2017-2022 theo tỷ lệ 70%, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 20/02/2023. Thời gian dự kiến chi trả trong tháng 03 năm 2023.

Căn cứ theo danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cổ tức bằng tiền Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE dự kiến sẽ được hưởng là 60.875.640.000 VND (Sáu mươi tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tương ứng với số lượng cổ phiếu sở hữu là 8.696.520 cổ phiếu (giá trị tương ứng mệnh giá là 86.965.200.000 VND). Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại 31 tháng 12 năm 2022 là 172.803.973.069 VND (Thuyết minh số 04).

Ngoài sự kiện đã được công bố nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	Tổng Giám đốc là vợ của Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	8.573.044.712
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	8.573.044.712
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	-	86.172.272
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp	-	86.172.272
Nhận ký quỹ, ký cược	-	116.200.000.000
Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
Hoàn trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	116.200.000.000	-
Ông Lê Minh Hải	46.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhi	70.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÖNG THÈP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	495.700.000	448.000.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	447.600.000	400.000.000
	Tổng Giám đốc		
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	445.600.000	400.000.000
	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Thành viên HĐQT	-	24.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)		
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Lộc	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2022)	12.000.000	-
Ông Lê Quý Minh	Thành viên ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2022)	-	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ỒNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

**Xác nhận của đại diện theo Pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc**



Nguyễn Hữu Thế

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Lưu văn phòng Công ty



ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC

VIETNAM GERMANY STEEL PIPE.J.S.C

TRỤ SỞ CHÍNH (Head quarter)

- Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Vĩnh Phúc/Binhxuyen Industrial Zone, VinhPhuc Province
- Tel: +84 (0211) 3887 863 * Fax: +84 (0211) 3887 912
- Website: www.vgpipe.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI (Hanoi representative office)

- Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà SIMCO, đường Phạm Hùng, Hà Nội (3th floor, SIMCO building, Phamhung street, Hanoi.
- Tel: +84 (04) 3785 0088 * Fax: +84 (04) 3785 0066

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐÀ NẴNG (Danang representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng (1A Road, Hoa Vang district)
- Tel: +84 (0511) * Fax: +84 (0511)

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI MIỀN NAM (Southern representative office)

- Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Bến Lức, Long An/Ben Luc, Long An province
- Tel: +84 (0272) 3644 199 * Fax: +84 (0272) 3644 196